

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUẢNG**

Giảng viên hướng dẫn : Ts. Trần Thượng Bích La

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Thanh Thuý

Mã số sinh viên: : 2254010091

Khoá học: : 2022-2026

Lớp: : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUẢNG**

Giảng viên hướng dẫn : Ts. Trần Thượng Bích La

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Thanh Thuý

Mã số sinh viên: : 2254010091

Khoá học: : 2022-2026

Lớp: : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Thanh Thuý
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

Đề tài: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

3. Nội dung

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

4. Ngày giao nhiệm vụ làm khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

5. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

6. Giảng viên hướng dẫn: TS. Trần Thượng Bích La

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP1

1.1. Tổng quan về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ 1

1.1.1. Những khái niệm về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 1

1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu, thu nhập 1

1.1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:..... 3

1.1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp 4

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 5

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 5

1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ 7

1.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập 7

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 7

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 12

1.2.1.3. Kế toán doanh thu tài chính 13

1.2.1.4. Kế toán thu nhập khác..... 14

1.2.2. Kế toán chi phí 17

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán..... 17

1.2.2.2: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 21

1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính 25

1.2.2.4. Kế toán chi phí khác 26

1.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 28

1.2.3: Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... 30

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUẢNG.....33

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng.....	33
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng.....	33
2.1.2: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	34
2.1.3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng.....	36
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	37
2.1.4.1. Bộ máy kế toán tại Công ty.....	37
2.1.4.2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại công ty	38
2.1.4.3. Hình thức sổ sách kế toán	39
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng.....	40
2.2.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng.....	40
2.2.2. Kế toán doanh thu, thu nhập tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	41
2.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	41
2.2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	51
2.2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	51
2.2.2.4. Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng.....	51
2.2.3. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	51
2.2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng..	51
2.2.3.2. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng ..	53
2.2.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng.....	55
2.2.3.4. Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	59
2.2.3.5. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	59

2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	64
--	----

CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUẢNG66

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	66
---	----

3.1.1. Ưu điểm.....	66
---------------------	----

3.1.2. Nhược điểm.....	66
------------------------	----

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng.....	69
---	----

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	69
--	----

3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	69
--	----

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các trường hợp	11
Sơ đồ 2: Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	12
Sơ đồ 3: Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính.....	14
Sơ đồ 4: Phương pháp hạch toán thu nhập khác	16
Sơ đồ 5: Phương pháp hạch toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên	20
Sơ đồ 6: Phương pháp hạch toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	21
Sơ đồ 7: Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	24
Sơ đồ 8: Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động tài chính.....	26
Sơ đồ 9: Phương pháp hạch toán chi phí khác	28
Sơ đồ 10: Phương pháp hạch toán thuế TNDN	30
Sơ đồ 11: Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	32
Sơ đồ 12: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng.....	35
Sơ đồ 13: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	37
Sơ đồ 14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	39

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng.....	37
Bảng 2: Bảng phân tích trình tự luân chuyển chứng từ doanh thu tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng.....	44

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình ảnh 1: Hoá đơn GTGT số 257	45
Hình ảnh 2: Giao diện nhập liệu tại phần mềm Microsoft excel.	46
Hình ảnh 3: Trích Sổ chi tiết TK 5113 năm 2025.....	47
Hình ảnh 4: Trích Sổ Cái TK 511 năm 2025	48
Hình ảnh 5: Hoá đơn GTGT số 285	49
Hình ảnh 6: Trích Sổ chi tiết TK 5111 năm 2025.....	50
Hình ảnh 7: Phiếu xuất kho của hoá đơn GTGT 285.....	52
Hình ảnh 8: Trích Sổ Cái TK 632 năm 2025	53
Hình ảnh 9:: Lịch sử giao dịch trả gốc lãi vay ngân hàng của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng.....	54
Hình ảnh 10: Trích Sổ cái TK 635 năm 2025	55
Hình ảnh 11: Thông báo tiền điện tháng 12 năm 2025 của Công ty	56
Hình ảnh 12: Phiếu chi tiền điện tháng 12	57
Hình ảnh 13: Trích Sổ cái TK 642 năm 2025	58
Hình ảnh 14: Tờ khai thuế TNDN	62
Hình ảnh 15: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	63
Hình ảnh 16: Trích Sổ cái TK 821 năm 2025	64
Hình ảnh 17: Trích Sổ cái TK 911 năm 2025	65
Hình ảnh 18: Minh hoạ Sổ nhật ký chung 2025 khi có thêm nghiệp vụ về doanh thu tài chính.....	70
Hình ảnh 19: Minh hoạ Sổ Cái TK 515 của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng	71
Hình ảnh 20: Minh hoạ tờ khai thuế TNDN năm 2025 khi bổ sung thêm doanh thu tài chính.....	73
Hình ảnh 21: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi bổ sung thêm mục” Doanh thu tài chính”.....	74
Hình ảnh 22: Mẫu sổ chi tiết theo dõi giá vốn của lĩnh vực kinh doanh hàng hoá...75	
Hình ảnh 23: Mẫu sổ chi tiết theo dõi giá vốn của lĩnh vực dịch vụ vận chuyển hàng hoá	75

Hình ảnh 24: Mẫu sổ theo dõi chi tiết công nợ phải thu khách hàng Công ty Cổ phần Công trình 879.....	78
Hình ảnh 25: Giao diện phần mềm kế toán MISA AMIS.....	80
Hình ảnh 26: Giao diện đăng nhập của phần mềm kế toán Easybooks	81

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Tên viết tắt	Diễn giải
1	GTGT	Giá trị gia tăng
2	CKTM	Chiết khấu thương mại
3	CK	Chiết khấu
4	TSCĐ	Tài sản cố định
5	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
6	CP	Chi phí
7	KQKD	Kết quả kinh doanh
8	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
9	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
10	MST	Mã số thuế
11	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
12	TT	Thông tư
13	CCDC	Công cụ dụng cụ
14	TK	Tài khoản
15	TTDB	Tiêu thụ đặc biệt
16	BVMT	Bảo vệ môi trường
17	BĐS	Bất động sản
18	HTK	Hàng tồn kho
19	CPQLKD	Chi phí quản lý kinh doanh
20	QLKD	Quản lý kinh doanh
21	XK	Xuất kho
22	SXKD	Sản xuất kinh doanh
23	KC	Kết chuyển
24	HH	Hàng hoá
25	DVCC	Dịch vụ vận chuyển
26	DT-DTBH	Doanh thu-Doanh thu bán hàng
27	HDKD	Hoạt động kinh doanh
28	DVVC	Dịch vụ vận chuyển
29	KDHH	Kinh doanh hàng hoá

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, em xin cảm ơn Cô Ts. Trần Thượng Bích La. Trong suốt thời gian làm khóa luận, cô đã rất tận tình chỉ bảo em từ những điều nhỏ nhất. Cô không chỉ hướng dẫn về chuyên môn mà còn chỉ ra những lỗi sai, giúp em hiểu rõ bản chất vấn đề. Nếu không có sự chỉ bảo của cô, em khó có thể hoàn thành đề tài này một cách chẵn chu.

Em cũng rất biết ơn Ban Giám đốc cùng toàn thể các anh chị Phòng Kế toán tại Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng. Các anh chị đã tạo điều kiện rất tốt cho em trong thời gian tìm hiểu thực tế. Từ việc giải thích quy trình, cung cấp số liệu, đến những câu chuyện thực tế về công việc kế toán, tất cả đều giúp em có cái nhìn rõ ràng hơn rất nhiều so với lý thuyết trên sách vở.

Cảm ơn các thầy cô tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã truyền đạt kiến thức trong suốt 4 năm qua. Cảm ơn gia đình và bạn bè đã luôn hỏi han, động viên em mỗi khi em gặp khó khăn.

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

Nguyễn Thị Thanh Thuý

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ở bất kỳ doanh nghiệp nào, doanh thu và chi phí luôn là hai yếu tố then chốt quyết định sự sống còn. Nếu doanh thu phản ánh quy mô và năng lực khai thác thị trường, thì chi phí lại cho thấy mức độ hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn lực. Khi hai yếu tố này được ghi nhận và kiểm soát tốt, kết quả kinh doanh sẽ phản ánh đúng thực chất tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ là yêu cầu bắt buộc về mặt pháp lý mà còn là công cụ đắc lực giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định chiến lược kịp thời và chính xác.

Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng là một doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa và kinh doanh phụ tùng ô tô. Trong những năm gần đây, quy mô hoạt động của công ty ngày càng được mở rộng, doanh thu có xu hướng tăng trưởng qua từng năm. Tuy nhiên, qua quá trình tìm hiểu thực tế, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế như nhất định ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng thông tin kế toán và hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Từ những lý do trên, em quyết định chọn đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng” làm khóa luận tốt nghiệp, với mong muốn hệ thống hóa cơ sở lý luận, phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (Thông tư 133/2016/TT-BTC).

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về không gian: Tại Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng (MST: 3101094049).

+ Về thời gian: Số liệu thực tế được thu thập trong năm tài chính 2025 và một số năm lân cận để có cái nhìn tổng quan về xu hướng biến động.

+ Về nội dung: Tập trung vào các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính, giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh

doanh, chi phí tài chính, thuế thu nhập doanh nghiệp và việc xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ.

3. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

- + Phương pháp thu thập dữ liệu: Dữ liệu được thu thập từ các văn bản pháp luật, thông tư, chuẩn mực kế toán, sách giáo trình và các tài liệu chuyên ngành có liên quan. Thu thập thông qua quá trình thực tập, tìm hiểu thực tế tại đơn vị nghiên cứu.
- + Phương pháp quan sát thực tế: trực tiếp quan sát quy trình làm việc, cách thức hạch toán và ghi chép sổ sách kế toán tại phòng kế toán của đơn vị.
- + Phương pháp trao đổi, phỏng vấn: trao đổi trực tiếp với kế toán trưởng và các nhân viên kế toán để hiểu rõ hơn về công tác kế toán thực tế tại đơn vị.
- + Phương pháp tổng hợp và phân tích: tổng hợp số liệu từ các chứng từ, sổ sách để phân tích thực trạng, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán của đơn vị.
- + Phương pháp đối chiếu: đối chiếu thực tế hạch toán tại đơn vị với các quy định của chế độ kế toán hiện hành để đánh giá mức độ tuân thủ và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

4. Cấu trúc của đề tài

Khóa luận được kết cấu thành ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Chương này trình bày các khái niệm, phân loại, nguyên tắc ghi nhận cũng như phương pháp hạch toán các tài khoản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng. Chương này giới thiệu khái quát về công ty (quá trình hình thành, bộ máy quản lý, bộ máy kế toán, chế độ và chính sách kế toán áp dụng), đồng thời phân tích chi tiết thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thông qua các chứng từ, sổ sách minh họa cụ thể.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng. Trên cơ sở phân tích ưu điểm và nhược điểm của thực trạng, chương này đề xuất một số giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện công tác kế toán, bao gồm cải thiện quy trình luân chuyển chứng từ, tăng cường theo dõi công nợ phải thu, hoàn thiện việc ghi nhận doanh thu tài chính, theo dõi chi tiết giá vốn cho từng mảng hoạt động, và định hướng chuyển đổi sang phần mềm kế toán chuyên nghiệp.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

(Nội dung này được viết theo thông tư 133/2016/TT-BTC).

1.1. Tổng quan về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.1. Những khái niệm về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu, thu nhập

a) Khái niệm

Doanh thu: Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam:

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu.
- Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.
- Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

b) Phân loại doanh thu

- Theo hoạt động kinh doanh:

- + Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính: Là nguồn thu từ các hoạt động kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp, như bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Đây là nguồn thu chủ yếu và chiếm tỷ trọng lớn nhất.
- + Doanh thu từ hoạt động kinh doanh phụ: Là nguồn thu từ các hoạt động không thuộc lĩnh vực chính nhưng vẫn hỗ trợ kinh doanh, như cho thuê tài sản, dịch vụ hậu mãi.
- + Doanh thu từ hoạt động tài chính: Bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán, hay thu nhập từ chênh lệch tỷ giá.

- Theo nguồn gốc phát sinh:

- + Doanh thu trong nước: Là nguồn thu phát sinh từ các giao dịch nội địa, giữa các khách hàng trong cùng quốc gia.
 - + Doanh thu xuất khẩu: Là nguồn thu từ các giao dịch với khách hàng quốc tế, liên quan đến xuất khẩu hàng hóa hoặc dịch vụ.
- Theo thời điểm ghi nhận:
- + Doanh thu thực hiện: Ghi nhận khi doanh nghiệp đã hoàn tất việc cung cấp dịch vụ hoặc giao hàng hóa. Đây là doanh thu đã thực sự phát sinh.
 - + Doanh thu chưa thực hiện: Ghi nhận khi doanh nghiệp nhận tiền trước từ khách hàng nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ.
- Theo đối tượng khách hàng:
- + Doanh thu từ khách hàng cá nhân: Là nguồn thu phát sinh từ các cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.
 - + Doanh thu từ khách hàng doanh nghiệp: Là doanh thu từ các tổ chức, doanh nghiệp khác trong quan hệ kinh doanh.
- Theo hình thức thanh toán:
- + Doanh thu tiền mặt: Là các khoản doanh thu nhận trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngay khi giao dịch hoàn tất.
 - + Doanh thu trả góp hoặc tín dụng: Là doanh thu phát sinh từ các giao dịch mà khách hàng thanh toán theo kỳ hạn, hoặc mua hàng bằng hình thức tín dụng.
- Theo tính chất lặp lại:
- + Doanh thu định kỳ: Phát sinh theo chu kỳ cố định, ví dụ như phí duy trì dịch vụ hàng tháng, hàng năm.
 - + Doanh thu không định kỳ: Phát sinh không thường xuyên, như bán sản phẩm hoặc dịch vụ theo đơn đặt hàng riêng lẻ.

c) Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản phát sinh làm giảm tổng doanh thu bán hàng/cung cấp dịch vụ trong kỳ kế toán.

- *Chiết khấu thương mại*: Là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên các hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

- *Giảm giá hàng bán*: Giảm giá hàng bán là số tiền giảm trừ cho khách hàng trên giá bán đã thỏa thuận do nguyên nhân thuộc về người bán như kém chất lượng, không đúng quy cách, lỗi thời, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...
- *Hàng bán bị trả lại*: Hàng bán bị trả lại là giá trị của số thành phẩm, hàng hóa đã xác định tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém phẩm chất, hàng không đúng kỹ thuật, sai chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần hàng), và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

1.1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:

a) Khái niệm

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. (Theo điều 59 Thông tư 133/2016/TT/BTC)

b) Phân loại chi phí

➤ Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động kinh doanh

Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm: chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất.

- Chi phí sản xuất: Là những chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm và cung ứng dịch vụ, bao gồm 3 khoản mục: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (nguyên liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu dùng trực tiếp), chi phí nhân công trực tiếp (tiền lương và trích theo lương của công nhân trực tiếp), và chi phí sản xuất chung (chi phí vật liệu phục vụ sản xuất, lương nhân viên phân xưởng, khấu hao, sửa chữa, bảo trì máy móc, nhà xưởng, dịch vụ mua ngoài phục vụ phân xưởng).
- Chi phí ngoài sản xuất : Là các khoản chi phí phát sinh ngoài phạm vi quá trình sản xuất, bao gồm 4 khoản mục: giá vốn hàng bán (giá thực tế xuất kho của hàng đã bán hoặc giá thành thực tế sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ); chi phí bán hàng (chào hàng, giới thiệu sản phẩm, hoa hồng, bảo hành, đóng gói, vận chuyển); chi phí quản lý doanh nghiệp (quản lý kinh doanh, hành chính, điều hành chung); và chi phí hoạt động tài chính (lãi vay, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chênh lệch tỷ giá, lỗ chuyển nhượng vốn).

➤ **Phân loại chi phí theo phương pháp tập hợp chi phí**

- Chi phí trực tiếp: là những chi phí có quan hệ trực tiếp đến một đối tượng chịu chi phí nhất định. Do đó, kế toán có thể căn cứ số liệu từ chứng từ kế toán để ghi trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

- Chi phí gián tiếp: là những chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí khác nhau. Do đó, kế toán phải tập hợp chi phí lại, cuối kỳ tiến hành phân bổ cho các đối tượng liên quan theo những tiêu thức thích hợp.

➤ **Phân loại chi phí theo mối quan hệ với kỳ xác định kết quả kinh doanh**

Căn cứ mối quan hệ với kỳ kết quả kinh doanh chi phí trong kỳ kế toán chia thành chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ.

- Chi phí sản phẩm: Là những chi phí gắn liền với quá trình sản xuất sản phẩm hay hàng hóa được mua vào, được ghi nhận là chi phí (giá vốn hàng bán) tại thời điểm sản phẩm hoặc dịch vụ được tiêu thụ; khi sản phẩm, hàng hóa chưa được tiêu thụ thì những chi phí này nằm trong hàng tồn kho (gọi là chi phí tồn kho).

- Chi phí thời kỳ: Là tất cả các chi phí không phải là chi phí sản phẩm, được ghi nhận là chi phí trong kỳ chúng phát sinh và làm giảm lợi tức trong kỳ đó.

1.1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm : Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác. (Theo Khoản 1 Điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015)

+ Kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa doanh thu thuần và tổng chi phí phát sinh, bao gồm: giá vốn của hàng bán (đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như khấu hao, sửa chữa, cải tạo, chi phí cho thuê, cũng như chi phí thanh lý hoặc chuyển nhượng), cùng với chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập và chi phí của hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Bản chất của doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh đòi hỏi phải tổ chức kế toán một cách khoa học. Doanh thu không chỉ đơn thuần là các khoản thu bằng tiền mà còn là nguồn tài chính chủ yếu để trang trải chi phí, đảm bảo tái sản xuất và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Ngược lại, chi phí làm giảm lợi ích kinh tế, tác động trực tiếp đến vốn chủ sở hữu. Kết quả kinh doanh – lãi hay lỗ – là thước đo tổng hợp cho hiệu quả mọi hoạt động. Do đó, không thể quản lý cảm tính hay rời rạc; bắt buộc phải tổ chức kế toán các yếu tố này để có thông tin tin cậy, làm nền tảng cho mọi đánh giá và quyết định.

Đối với doanh nghiệp, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là yêu cầu sống còn trong công tác quản trị. Nếu không có hệ thống kế toán ghi nhận, đo lường chính xác, nhà quản lý sẽ không nắm bắt được thực trạng kinh doanh, thiếu cơ sở đánh giá hoạt động hiệu quả hay điểm gây thất thoát chi phí, và không thể đề ra chiến lược phát triển bền vững. Nói cách khác, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính là "la bàn" giúp doanh nghiệp đi đúng hướng.

Không chỉ cần thiết với nội bộ, tổ chức kế toán các chỉ tiêu này còn đáp ứng nhu cầu thông tin của nhiều bên liên quan. Với nhà đầu tư, đó là cơ sở đánh giá hiệu quả và tiềm năng sinh lời. Với ngân hàng và trung gian tài chính, đó là căn cứ thẩm định tình hình tài chính để quyết định cấp tín dụng. Với cơ quan quản lý nhà nước, số liệu kế toán giúp hoạch định chính sách điều tiết vĩ mô. Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vừa là trách nhiệm, vừa là nhu cầu tất yếu của doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện đại.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

➤ *Nhiệm vụ của kế toán doanh thu*

- Xác định đúng phạm vi và thời điểm ghi nhận doanh thu, đảm bảo yếu tố đúng kỳ của doanh thu nhất là trong hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Tuân thủ những nguyên tắc ghi nhận doanh thu.
- Xuất hóa đơn bán hàng dựa theo hợp đồng, hay là theo tiến độ bàn giao hàng hóa.

- Hạch toán theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành, đảm bảo sự phù hợp với yêu cầu quản lý doanh thu trong doanh nghiệp.
- Tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý, khoa học, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời.
- Phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác tình hình doanh thu bán hàng trong kỳ, phản ánh doanh thu trên sổ kế toán tổng hợp. Ngoài ra kế toán doanh thu bán hàng cần phải theo dõi ghi chép chi tiết về số lượng và giá trị hàng bán trên tổng số và theo từng nhóm mặt hàng, từng khách hàng, phương thức bán hàng...
- Giải quyết công việc liên quan đến kế toán doanh thu như: Sai sót trong quá trình xuất hóa đơn, điều chỉnh hóa đơn, khiếu nại nếu có...

➤ ***Nhiệm vụ của kế toán chi phí***

- Phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong doanh nghiệp .
- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán chi phí, theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán trong doanh nghiệp.
- Theo dõi chi tiết chi phí theo từng yếu tố, từng khoản mục chi phí trong doanh nghiệp.
- Lập báo cáo chi phí theo yêu cầu quản lý của DN, tổ chức phân tích báo cáo, lập dự toán chi phí, tư vấn cho chủ DN lựa chọn phương án tiết kiệm chi phí và có hiệu quả nhất...
- Kiểm tra giám sát các khoản chi phí trong doanh nghiệp nếu có.

➤ ***Nhiệm vụ của kế toán kết quả kinh doanh***

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp liên quan đến hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Tính toán chính xác kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp liên quan đến hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị nội bộ của doanh nghiệp, tổ chức phân tích thông tin phục vụ cho yêu cầu lập kế hoạch và ra quyết định của Ban lãnh đạo trong doanh nghiệp liên quan đến hoạt động trong doanh nghiệp.

1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 (VAS 14) – Doanh thu và thu nhập khác : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền sẽ thu được từ các hoạt động giao dịch từ các hoạt động giao dịch như bán sản phẩm hàng hóa cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

➤ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn (5) điều kiện sau:

- + Người bán đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- + Người bán không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Người bán đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến việc bán hàng.

- Doanh thu chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- + Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- + Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng được phản ánh theo số tiền bán hàng chưa có thuế GTGT.

- + Đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu được phản ánh trên tổng giá thanh toán.
- + Đối với hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu thì doanh thu tính trên tổng giá mua bán.
- + Doanh thu bán hàng (kể cả doanh thu nội bộ) phải được theo dõi chi tiết theo từng loại sản phẩm nhằm xác định chính xác, đầy đủ kết quả kinh doanh của từng mặt hàng khác nhau.

b) Các phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ.

➤ *Phương thức bán hàng trực tiếp*

Theo hình thức này, bên mua cử đại diện đến kho hoặc các phân xưởng của doanh nghiệp để nhận hàng. Doanh nghiệp xuất kho hàng hoá giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hoá được xác định là tiêu thụ.

➤ *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng*

Theo hình thức này, Doanh nghiệp xuất kho hàng hóa và chuyển đến kho bên mua hoặc địa điểm theo hợp đồng. Hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Chỉ khi được bên mua kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì hàng mới được coi là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu. Chi phí vận chuyển do hai bên thỏa thuận: nếu bên bán chịu thì ghi vào chi phí bán hàng, nếu bên mua chịu thì bên bán thu lại tiền.

➤ *Phương thức bán hàng thông qua đại lý*

Doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, ký gửi để các cơ sở này trực tiếp bán hàng và được hưởng hoa hồng. Số hàng gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi đại lý thanh toán, chấp nhận thanh toán hoặc thông báo đã bán được hàng, lúc đó doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu.

➤ *Phương thức bán hàng trả chậm trả góp*

Theo hình thức này, người mua được trả tiền mua hàng thành nhiều lần. Doanh nghiệp, ngoài số tiền thu theo giá bán thông thường còn thu thêm ở người mua một khoản lãi do trả chậm. Đối với hình thức này, về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua, hàng hoá bán trả góp được coi là tiêu thụ, bên bán ghi nhận doanh thu.

c) Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng : Hoá đơn GTGT, phiếu thu, giấy báo có...và các chứng từ liên quan.

- Sổ sách sử dụng : Sổ chi tiết các tài khoản : 5111,5112,5113,5118 và Sổ Cái tài khoản 511.

d) Tài khoản sử dụng

- **TK 511** “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.” : Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau : bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác.

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

+ Tài khoản 5112: Doanh thu bán thành phẩm: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

+ Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán.

+ Tài khoản 5118: Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước.

+ Kết cấu TK 511:

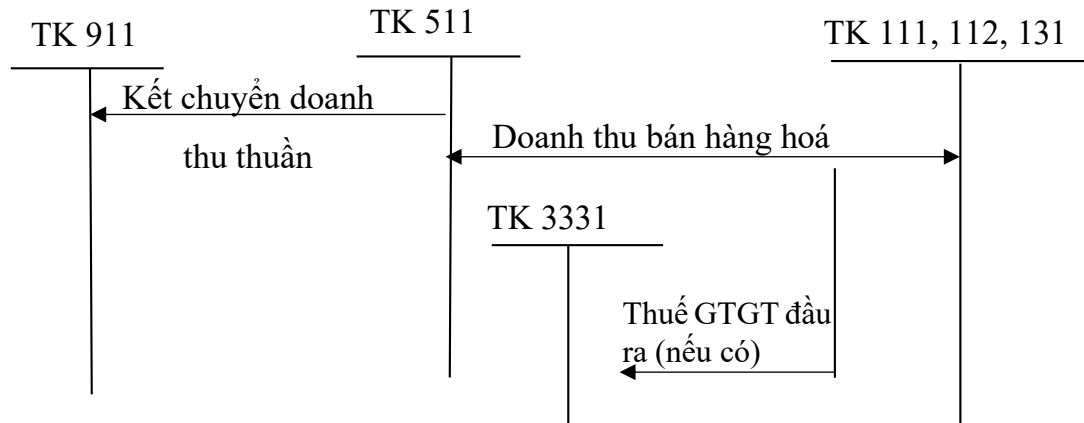
TK 511

- Các khoản giảm trừ doanh thu - Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT theo phương pháp trực tiếp, TTDB, XK, BVMT). - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế
---	--

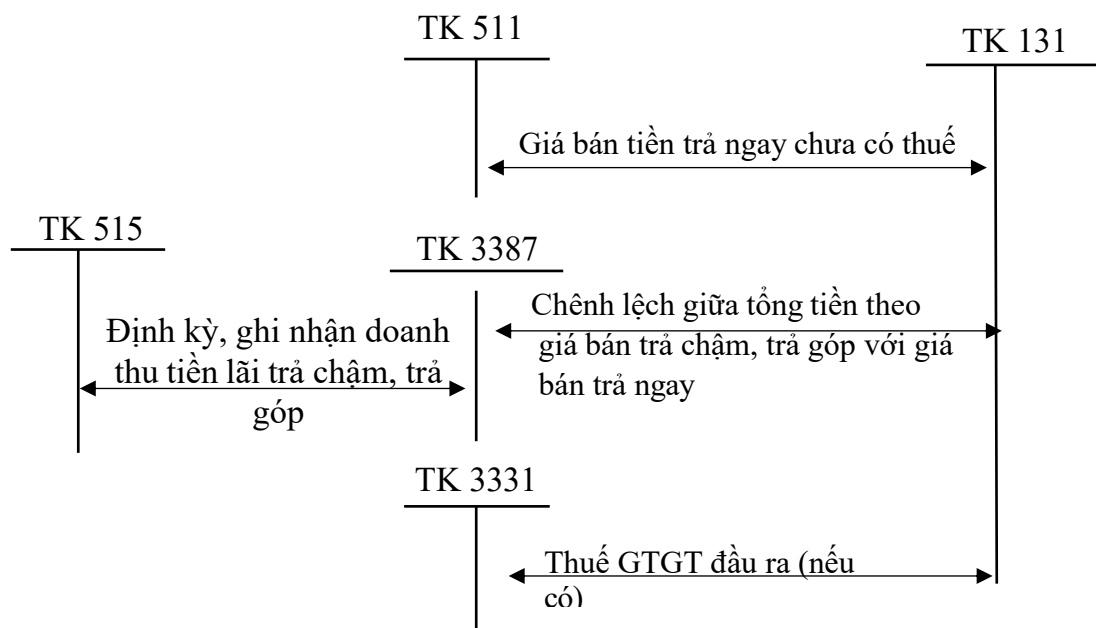
• Tài khoản 511 không có số dư đầu và cuối kỳ

e) Phương pháp hạch toán

- Sơ đồ hạch toán trường hợp bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng

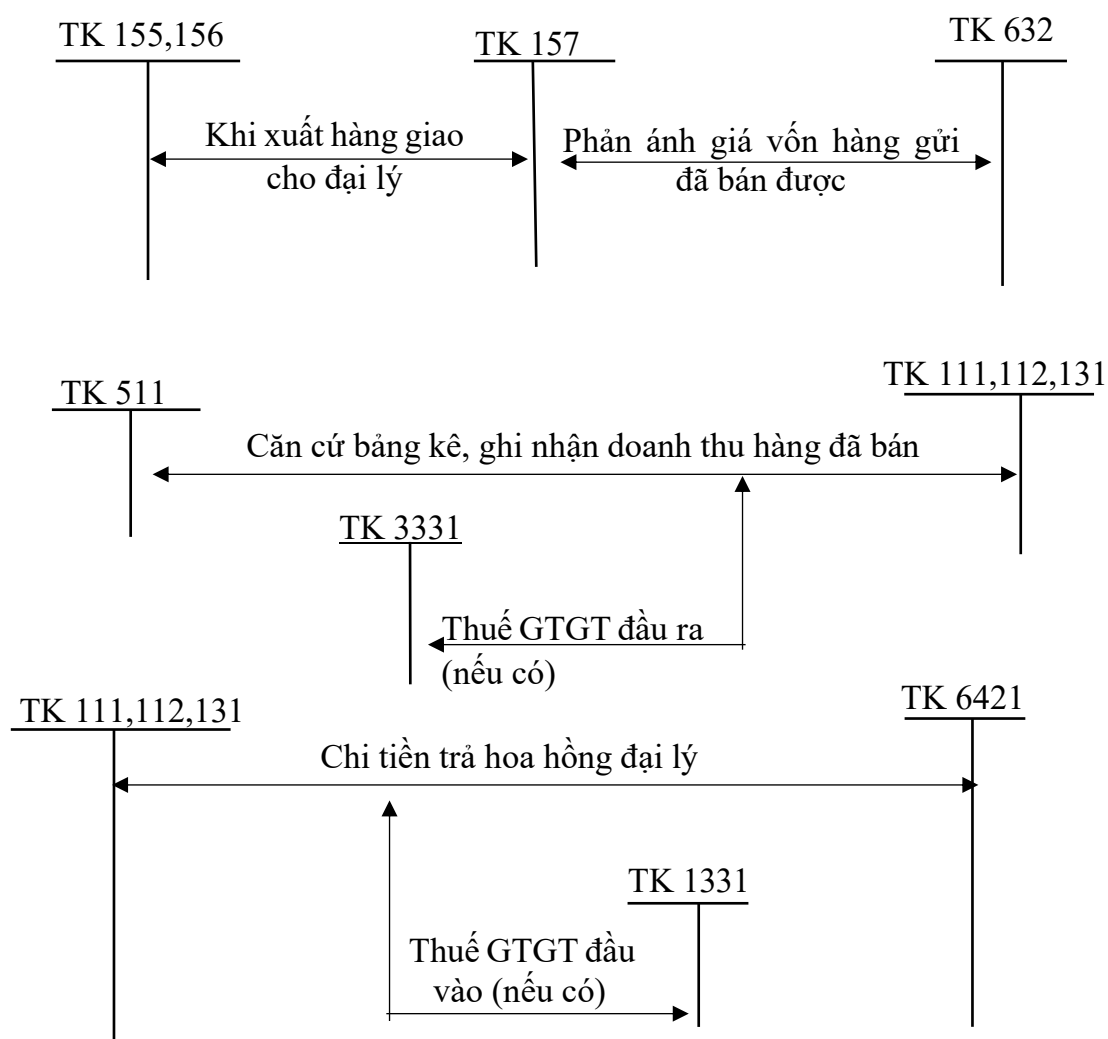


- Sơ đồ hạch toán trường hợp bán hàng trả chậm trả góp

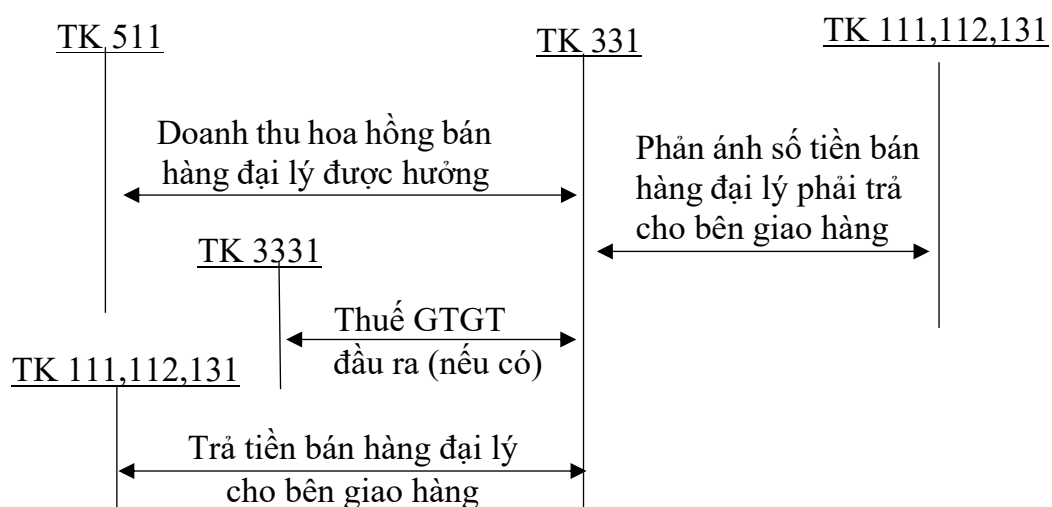


- Sơ đồ hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:

➤ Ở đơn vị giao hàng đại lý:



➤ Ở đơn vị nhận làm đại lý, bán đúng giá hưởng hoa hồng



Sơ đồ 1: Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các trường hợp

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là tổng hợp các khoản được ghi trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

a) Chứng từ và sổ sách sử dụng

➤ Chứng từ sử dụng

- Chiết khấu thương mại: Hợp đồng kinh tế, biên bản chiết khấu thương mại, hoá đơn GTGT (ghi rõ tỷ lệ và số tiền chiết khấu), phiếu chi.
- Giảm giá hàng bán: Văn bản đề nghị giảm giá hàng bán, Biên bản giảm giá hàng bán, hoá đơn GTGT (thu hồi hoá đơn cũ và lập hoá đơn mới).
- Hàng bán bị trả lại: Hoá đơn trả lại hàng do bên mua lập (ghi rõ lý do trả lại hàng), Biên bản trả lại hàng hoá, phiếu nhập kho, phiếu chi, giấy báo nợ.

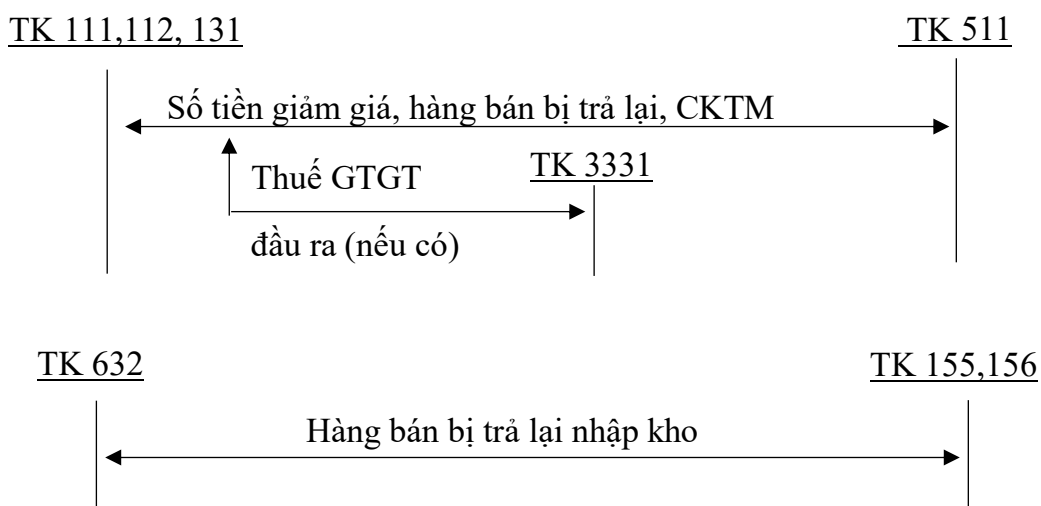
➤ Sổ sách kế toán

- Sổ chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu

b) Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, các khoản giảm trừ doanh thu sẽ được theo dõi bên nợ tại TK 511

c) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 2: Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.3. Kế toán doanh thu tài chính

Doanh thu tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động đầu tư tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: tiền lãi (lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm/trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng); cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư góp vốn; thu nhập từ hoạt động mua bán chứng khoán ngắn hạn và dài hạn; thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư (lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý khoản đầu tư góp vốn); và các khoản thu nhập hoạt động tài chính khác như lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, lãi do đánh giá lại vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ cuối kỳ

a) Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Giấy báo có và các chứng từ liên quan khác.
- Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết, sổ cái Tài khoản 515

b) Tài khoản sử dụng

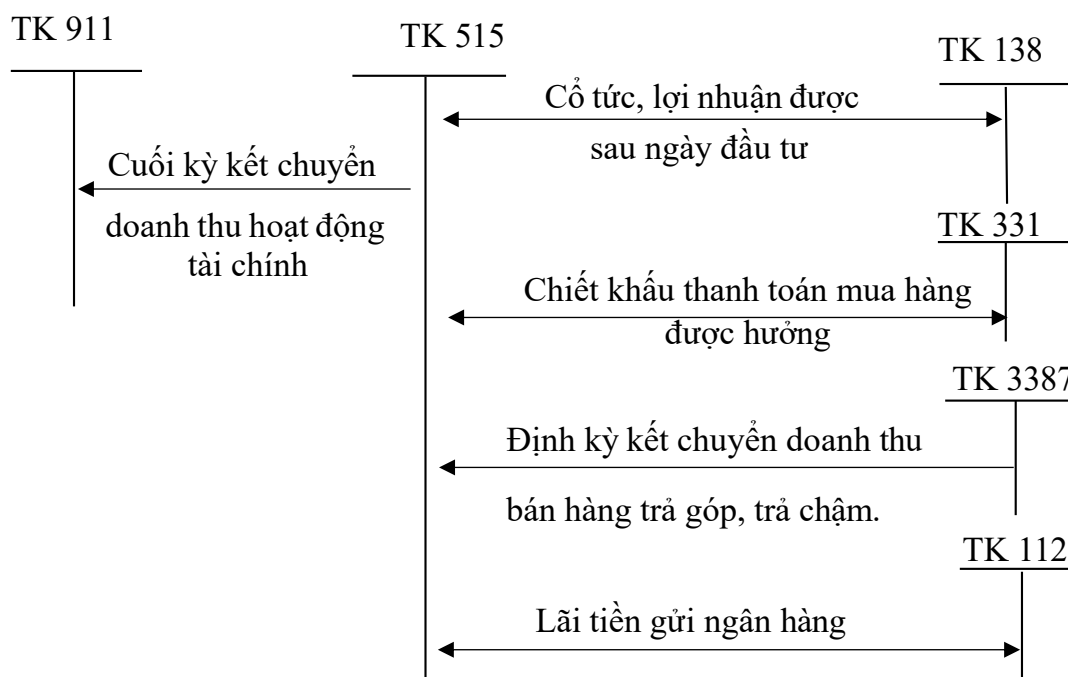
TK 515 - "Doanh thu hoạt động tài chính": Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

+ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515	Có
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp,... - Cổ tức lợi nhuận được chia - Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn - Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chuyển nhượng vốn,...

Tài khoản 515 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

c) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 3: Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính

1.2.1.4. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu nhập không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Thu nhập khác bao gồm: Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng,....

- Thu nhập khác bao gồm:

+ Các khoản phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường. Cụ thể gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định khi đem đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết; các khoản thuế phải nộp khi bán hàng nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường); thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.

+ Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp tài sản bị tổn thất (ví dụ tiền bảo hiểm bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh); thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa nhưng không tính trong doanh thu; thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp; giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất; và các khoản thu nhập khác ngoài các khoản đã nêu.

a) Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Hóa đơn GTGT, quyết định thanh lý tài sản, biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng thanh lý,...
- Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết, sổ cái Tài khoản 711

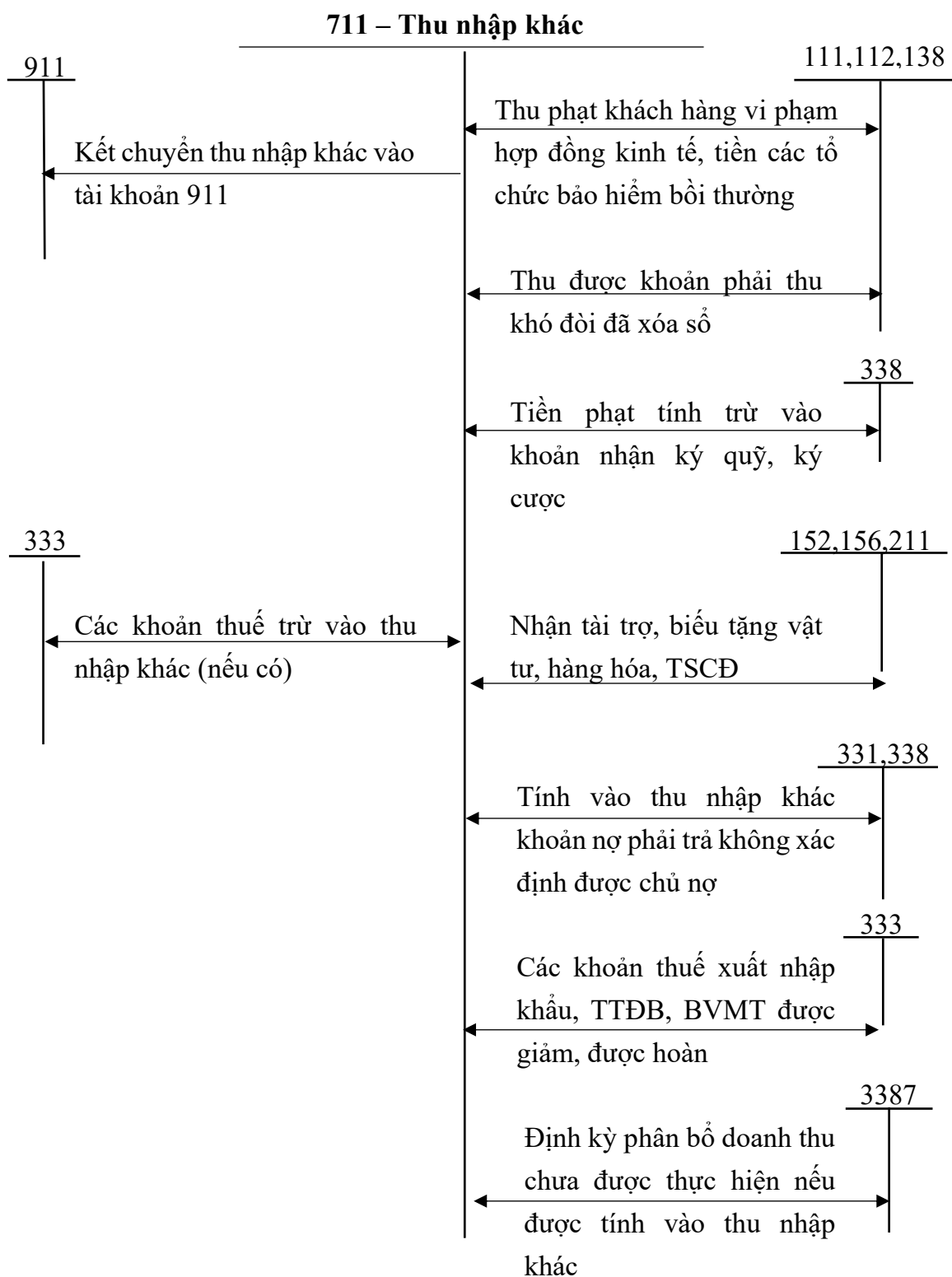
b) Tài khoản sử dụng

TK 711 - "Thu nhập khác": Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

<u>NỢ</u>	<u>TK 711</u>	<u>CÓ</u>
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 - Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.

c) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 4: Phương pháp hạch toán thu nhập khác

1.2.2. Kế toán chi phí

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng trị giá của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

a) Phương pháp xác định giá vốn

Theo chuẩn mực VAS 02, hiện tại có 3 phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho được áp dụng tại Việt Nam như sau: Phương pháp nhập trước, xuất trước; Phương pháp bình quân gia quyền; Phương pháp tính theo giá đích danh

- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): Với phương pháp này thì lô hàng nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kỳ. Việc tính giá mua của hàng xuất kho theo phương pháp này có ưu điểm là giá mua của hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo.

- Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền: Theo phương pháp này, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

+ Đơn giá bình quân cho từng mặt hàng được xác định theo công thức.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{kho loại } i \end{array} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế hàng } i \text{ đầu kỳ} + \text{Số lượng thực tế hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế hàng } i \\ \text{xuất dùng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng mặt hàng} \\ \text{ } i \text{ tồn kho xuất dùng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực tế bình quân} \\ \text{của hàng tồn kho loại } i \end{array}$$

- *Đơn giá bình quân thời điểm.*

Sau mỗi lần nhập kho thì kế toán phải tiến hành xác định lại đơn giá bình quân mới nhất.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân hàng } i \text{ sau lần nhập } t &= \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập } t + \text{Trị giá thực tế hàng } i \text{ nhập ở lần nhập } t}{\text{Số lượng hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập } t + \text{Số lượng hàng } i \text{ nhập kho ở lần nhập } t} \\ \text{Giá thực tế mặt hàng } i \text{ xuất kho} &= \text{Số lượng mặt hàng } i \text{ xuất dùng} \times \text{Đơn giá thực tế của hàng } i \text{ sau lần nhập } t \end{aligned}$$

- Phương pháp thực tế đích danh: áp dụng trên giá trị thực tế của từng hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

b) Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Phiếu xuất kho và các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết, sổ cái TK 632

c) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 - “Giá vốn hàng bán”: dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ. Phản ánh khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, ...

+ Kết cấu tài khoản 632 theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

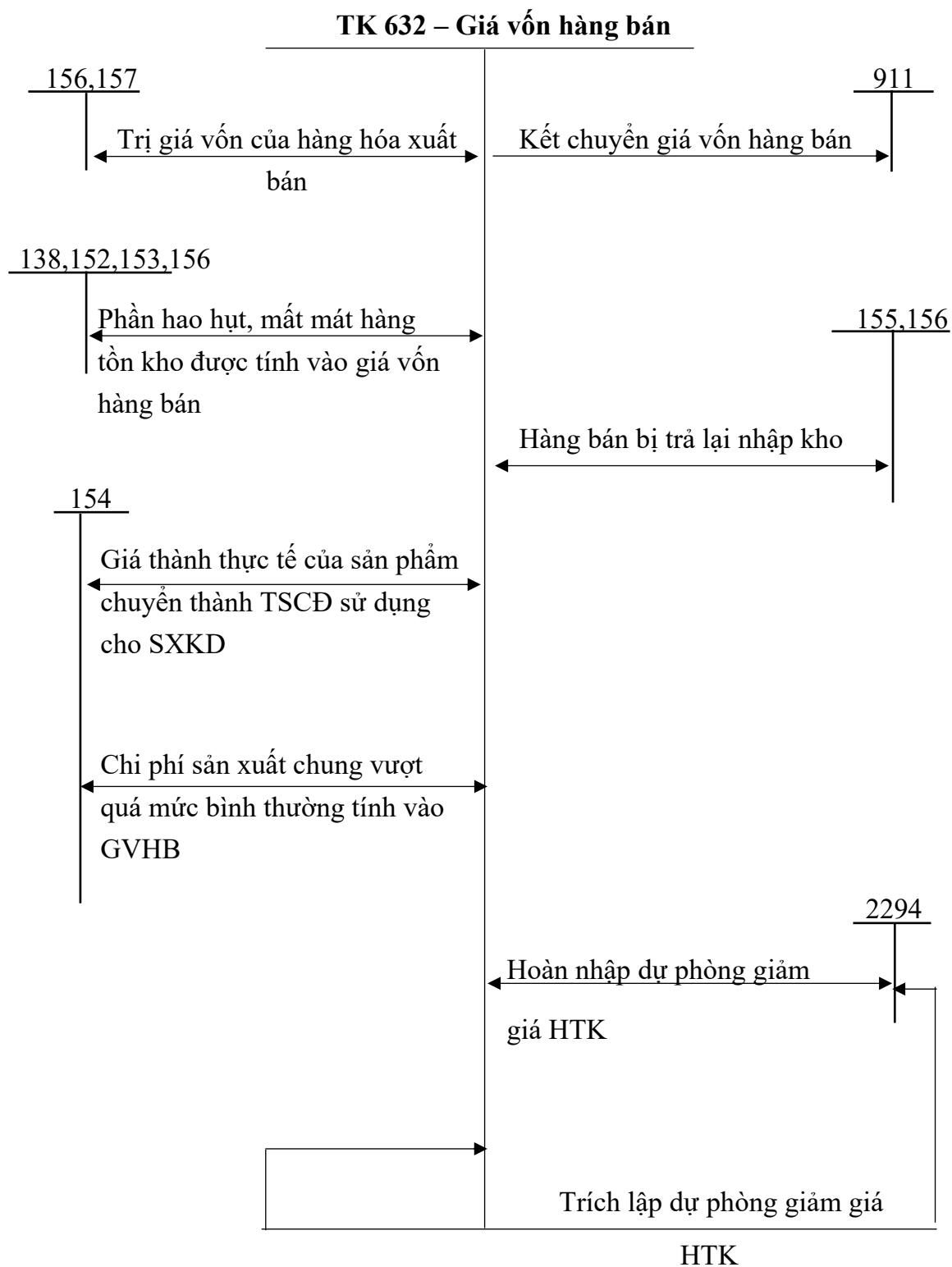
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

+ Kết cấu tài khoản 632 theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

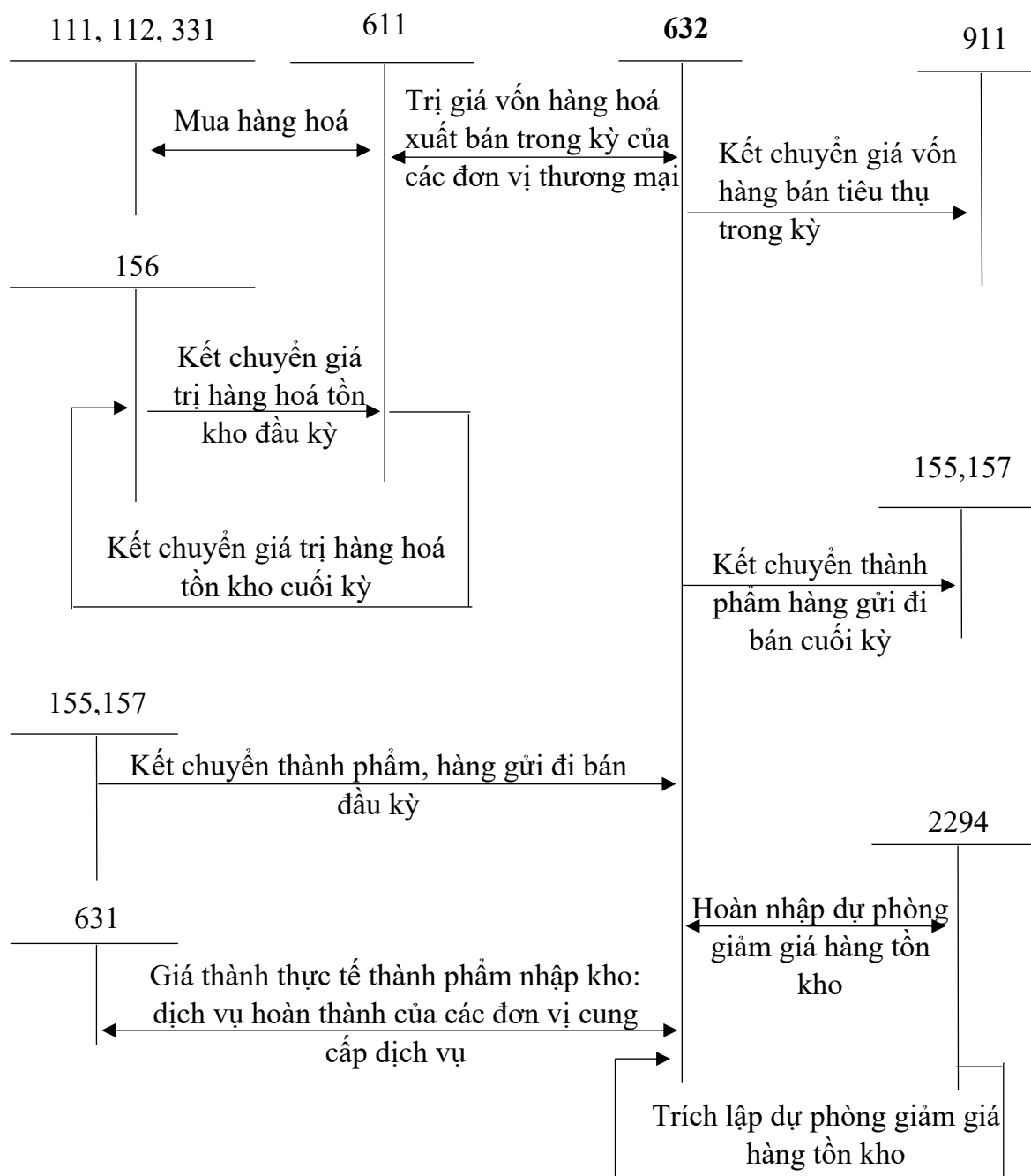
Nợ	TK 632	Có
+ Đối với DN kinh doanh thương mại: - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). + Đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ: - Trị giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho đầu kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.	X	+ Đối với DN kinh doanh thương mại: - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. + Đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ: - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”; TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang”. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

c) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 5: Phương pháp hạch toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 6: Phương pháp hạch toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.2.2: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến việc điều hành, quản lý sản xuất, kinh doanh, và quản lý hành chính chung của toàn doanh nghiệp. Đây là các chi phí phát sinh nhằm duy trì hoạt động hàng ngày, không trực tiếp tạo ra doanh thu sản phẩm.

Theo Chế độ kế toán hiện hành, chi phí quản lý kinh doanh gồm có chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Trong đó:

- + Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax....); chi phí bằng tiền khác.
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

a) Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn, bảng thanh toán lương, bảng phân bổ công cụ dụng cụ, TSCĐ và các chứng từ liên quan khác.
- Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết, sổ cái Tài khoản 642

b) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định. Tùy theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 642 có thể được mở chi tiết theo từng loại chi phí như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6421 – “Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.”

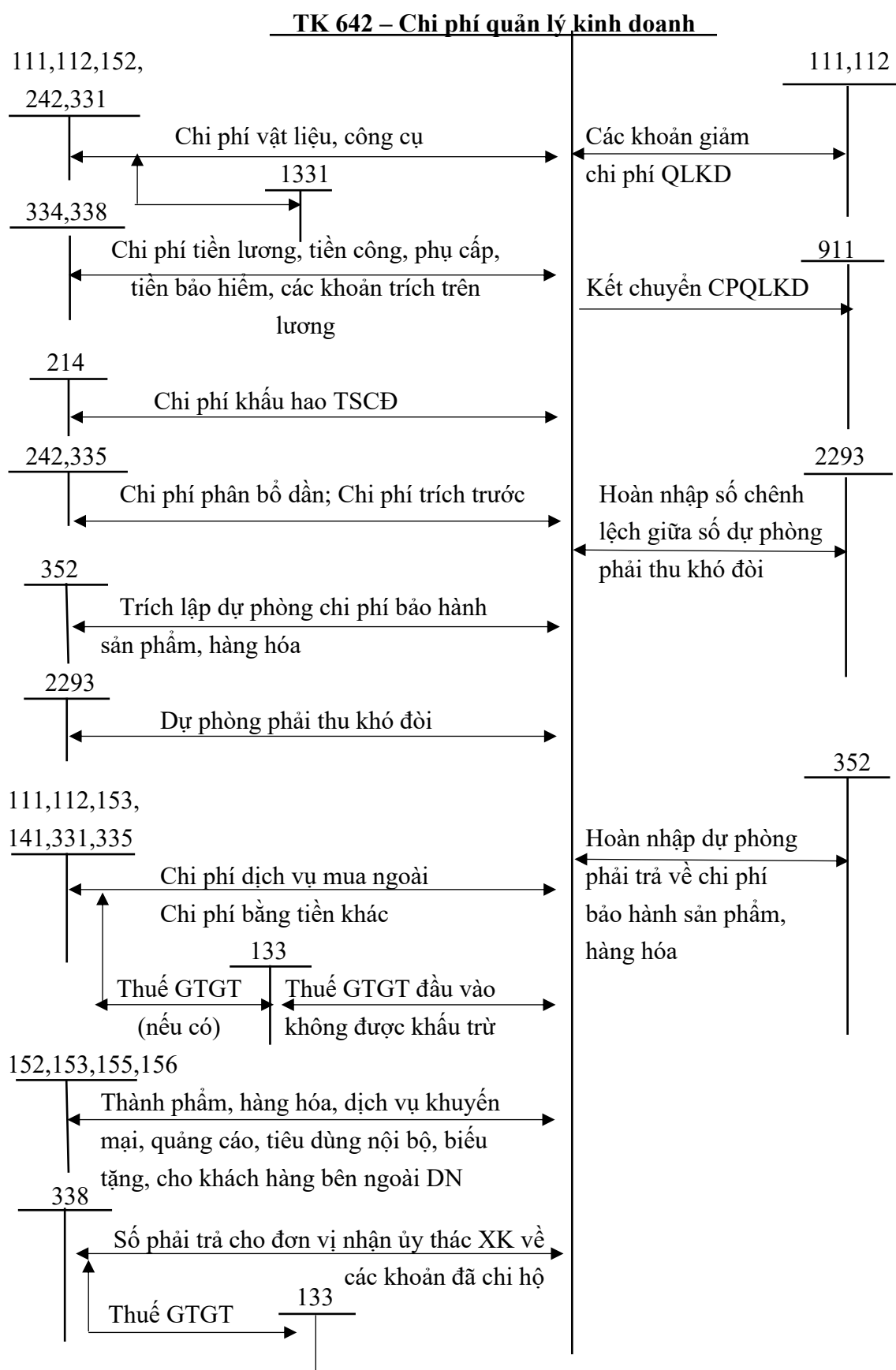
+ Tài khoản 6422 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.”

+ Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 642	CÓ
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả hoạt động kinh doanh".
	✕	

- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

c) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 7: Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập.

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán,... Bao gồm: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; chiết khấu thanh toán cho người mua; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư và chi phí giao dịch bán chứng khoán; lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ; số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; cùng các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác và chi phí tài chính khác.

a) Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Giấy báo nợ, phiếu chi và các chứng khác liên quan.
- Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết, sổ cái Tài khoản 635

b) Tài khoản sử dụng

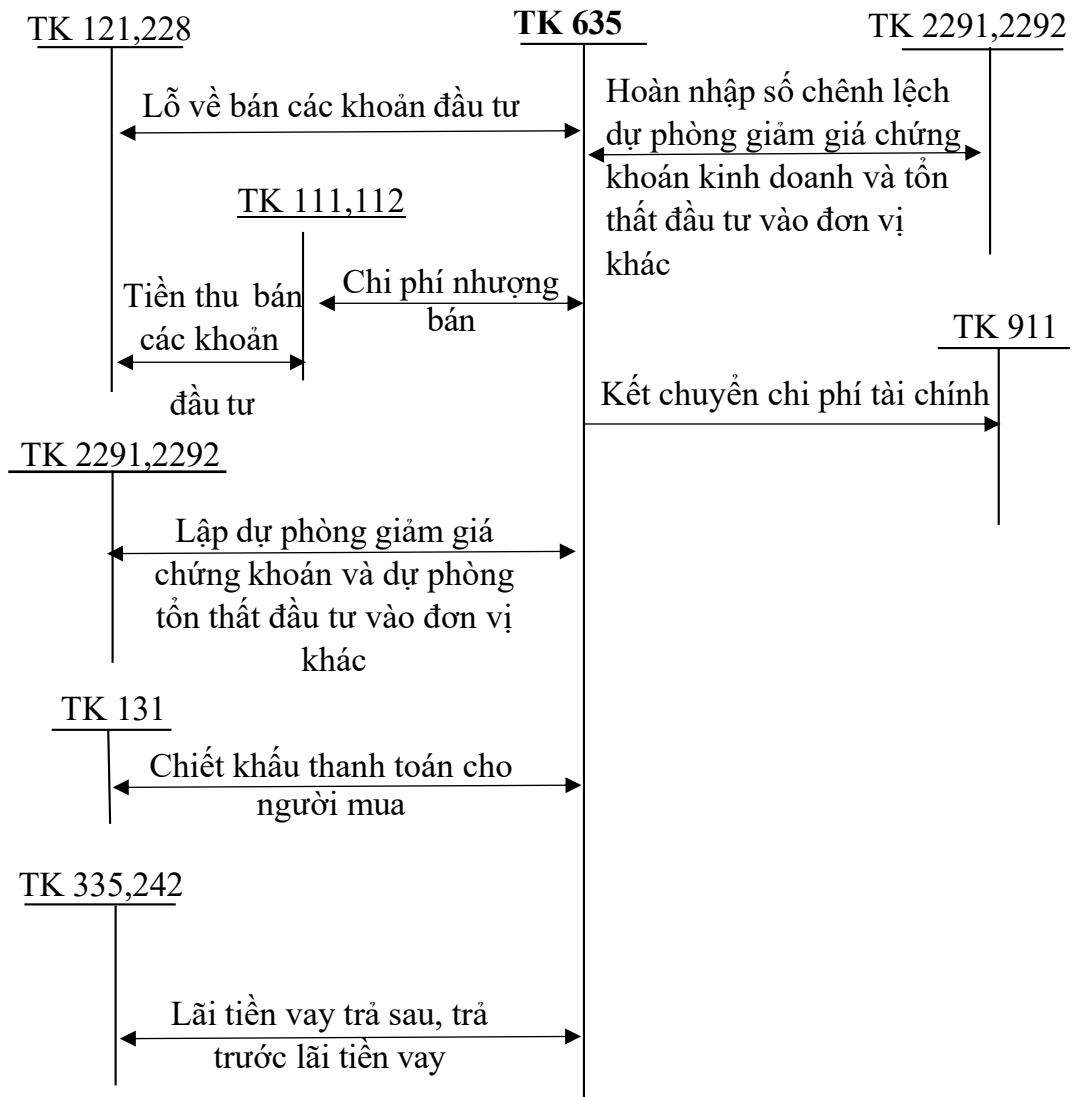
Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí

+ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ. - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).	-Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng trích lập năm trước chưa sử dụng hết) -Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	
		

Tk 635 không có số dư cuối kỳ

c) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 8: Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động tài chính

1.2.2.4. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác bao gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (TSCĐ) (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- + Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- + Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;

- + Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- + Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính;
- + Các khoản chi phí khác.

a) Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - + Giấy báo Nợ.
 - + Phiếu chi.
 - + Biên bản thanh lý nhượng bán
 - + Các chứng từ liên quan khác
- Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 811

b) Tài khoản sử dụng

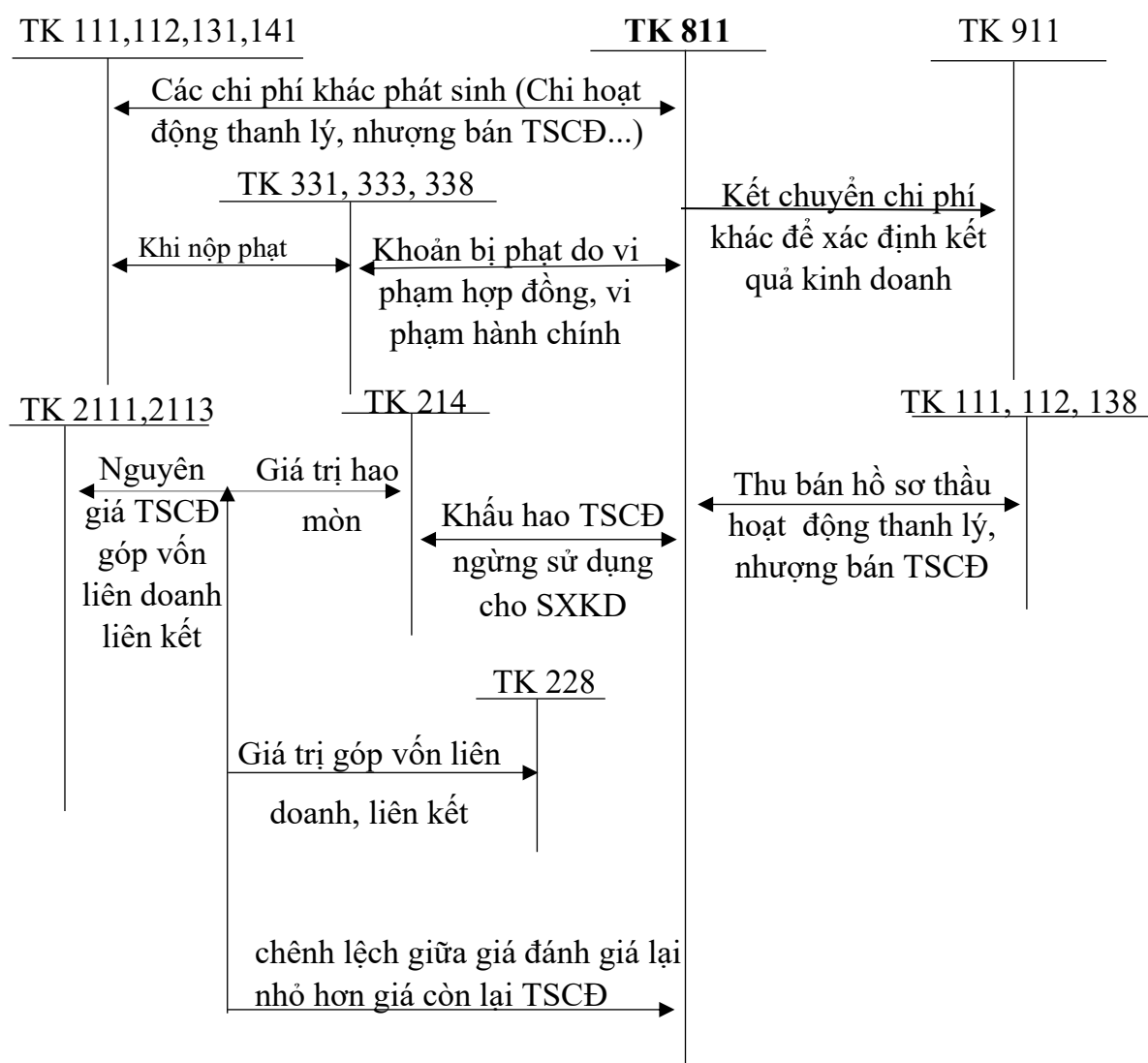
TK 811 “Chi phí khác”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

+ Kết cấu tài khoản 811:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kì	- Các khoản làm giảm chi phí khác - Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh	
		

Tài khoản 811 không có số dư cuối kì

c) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 9: Phương pháp hạch toán chi phí khác

1.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng của chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ, được dùng để xác định tổng ảnh hưởng của thuế đến lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán. (Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 (VAS 17) - Thuế thu nhập doanh nghiệp)

➤ Chi phí thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành

$$\text{Thuế TNDN hiện hành} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế = (Doanh thu – Chi phí được trừ) + Các khoản thu nhập khác

➤ Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả = Tổng chênh lệch tại thời điểm chịu thuế phát sinh trong năm X Thuế suất thuế TNDN hiện hành.

a) Chứng từ sử dụng

- +Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường, hóa đơn đặc thù
- +Bảng kê mua hàng hóa dịch vụ
- +Tờ khai tạm tính thuế TNDN theo quý.
- +Tờ khai quyết toán Thuế TNDN.

b) Tài khoản sử dụng

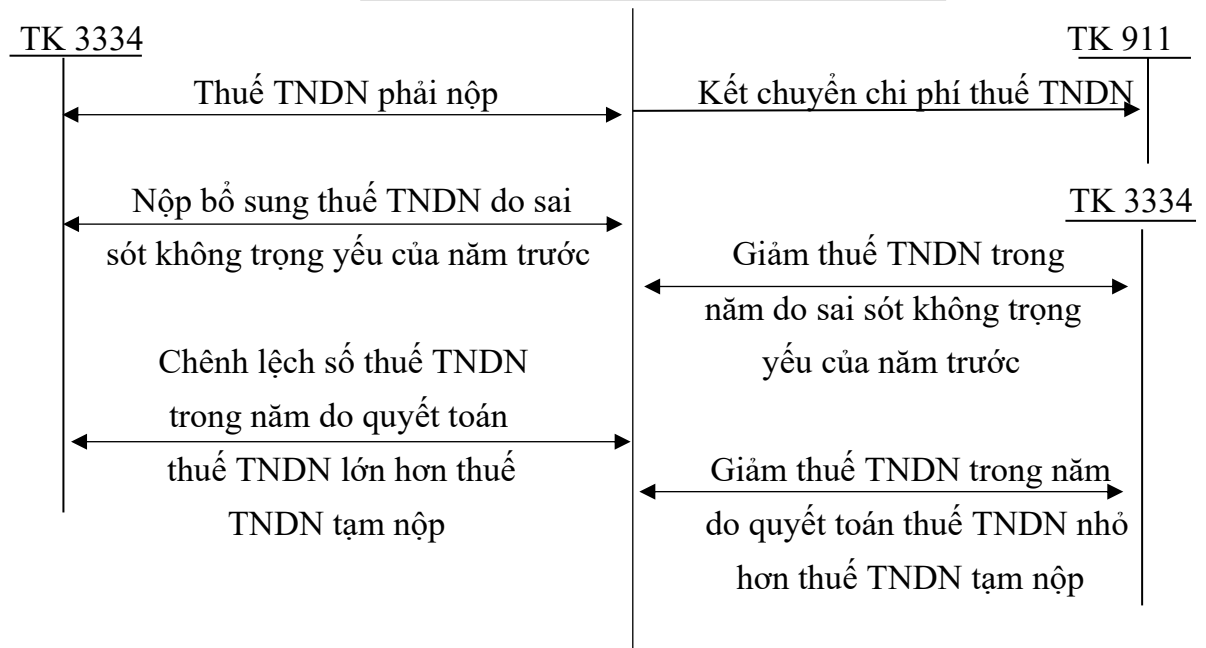
+ Kết cấu TK 821

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm.	- Số thuế TNDN hiện hành đã tạm nộp thừa năm nay.	
- Thuế TNDN của năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu được ghi tăng chi phí TNDN của năm nay.	- Số thuế TNDN đã nộp thừa các năm trước do phát hiện sai sót không trọng yếu được ghi giảm chi phí của năm nay.	
	- KC thuế TNDN sang TK 911.	
	✕	

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

c) Phương pháp hạch toán

TK 821- Chi phí thuế TNDN



Sơ đồ 10: Phương pháp hạch toán thuế TNDN

1.2.3: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh kết quả cuối cùng về tiêu thụ sản phẩm, là số lãi hoặc lỗ do các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mang lại trong một kỳ kế toán. Cuối mỗi kỳ, kế toán xác định kết quả kinh doanh trong kỳ từ việc tổng hợp KQKD của các hoạt động trong doanh nghiệp.

a) Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Tất cả các chứng từ liên quan đến doanh thu, chi phí ở các phân hành kế toán và các chứng từ khác như Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 911 và sổ nhật ký chung

b) Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh dùng để xác định và phản ánh kết quả HĐKD và các hoạt động khác của DN trong một kì kế toán. Kết quả HĐKD của doanh nghiệp gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, HH, BĐS đầu tư, dịch vụ đã bán - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN, chi phí khác. - Chi phí quản lý kinh doanh - Kết chuyển lãi		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, HH, BĐS đầu tư, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lỗ.

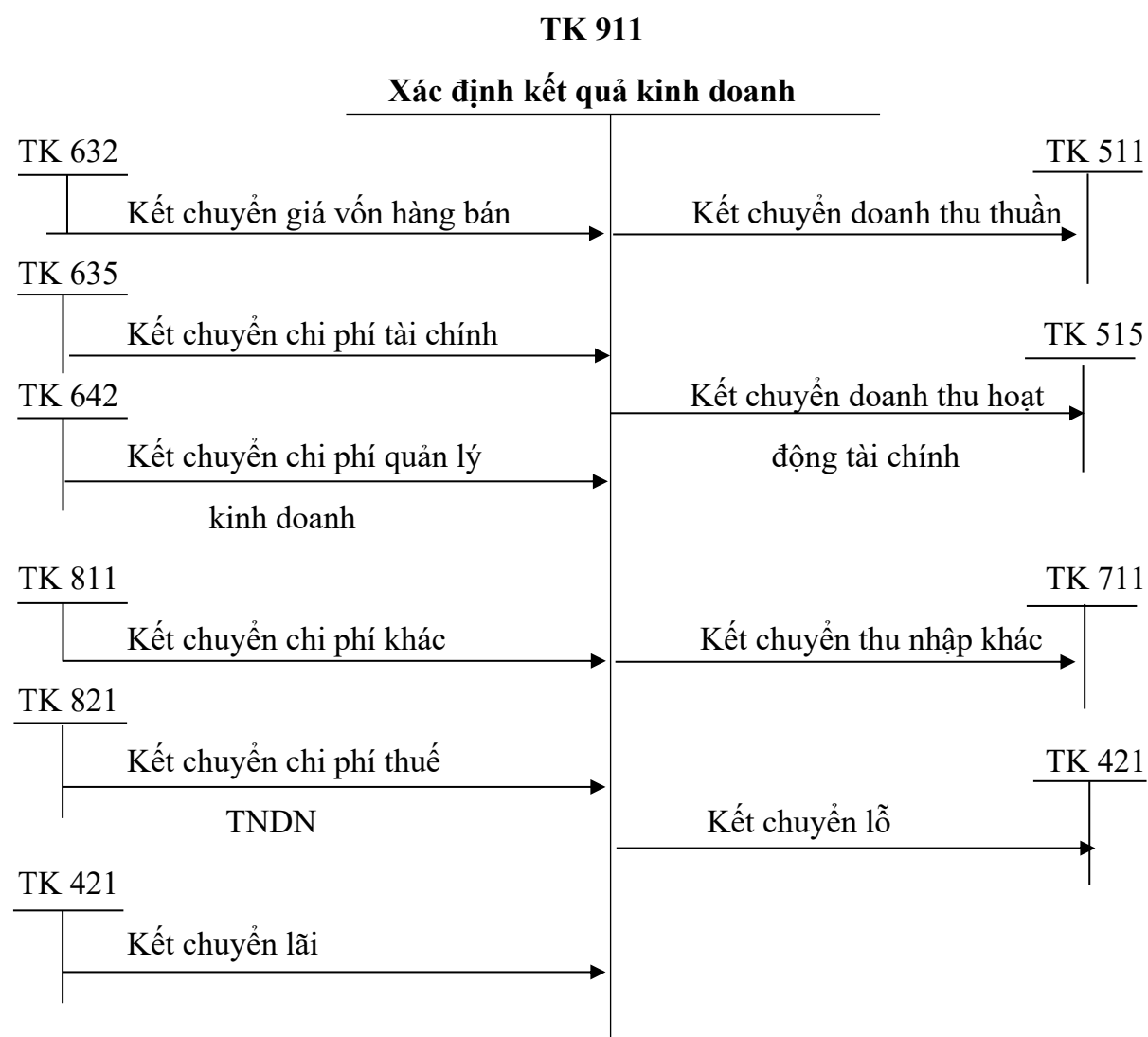


Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

c) Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán + (Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính) – Chi phí quản lý kinh doanh
- Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác
- Lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ HĐKD + Lợi nhuận khác
- Lợi nhuận sau thuế TNDN = Lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN

d) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 11: Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUẢNG

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

- Tên doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Vận tải Hà Quảng (tên quốc tế: HA QUANG TRANSPORT SERVICES LIMITED LIABILITY COMPANY) là doanh nghiệp thuộc loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên ngoài Nhà nước.
- Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 08/12/2020, với mã số thuế được cấp là 3101094049 và thuộc quản lý của Chi cục Thuế cơ sở 7 tỉnh Quảng Trị.
- Trụ sở chính của công ty đặt tại Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Thị xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam (hiện nay là Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị).
- Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh Tú
- Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ
- Ngành nghề kinh doanh chính của công ty:
 - + Vận tải hàng hoá bằng đường bộ - Mã ngành: 4933
 - + Bán phụ tùng ô tô – Mã ngành: 4530

Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng hoạt động trong lĩnh vực vận tải đường bộ: vận tải các loại than, cát, đá ở mỏ khai thác ra các cảng biển. Ngoài ra còn vận chuyển các loại hàng hoá, thành phẩm khác đi khắp cả nước.

Trong những năm đầu đi vào hoạt động, công ty đã từng bước xây dựng uy tín thông qua việc thực hiện đúng cam kết chất lượng dịch vụ, đảm bảo tiến độ giao hàng và xây dựng mối quan hệ tin cậy với các đối tác lớn trong ngành xây dựng và khai khoáng.

Đến năm 2023, công ty đã mở rộng quy mô đội xe lên 8 chiếc, đồng thời bổ sung thêm dịch vụ bán phụ tùng ô tô (lốp xe) nhằm tận dụng nguồn khách hàng sẵn có và đa dạng hóa nguồn thu.

Giai đoạn 2023–2025, Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng tiếp tục củng cố vị thế trên thị trường, tham gia vào các hợp đồng vận chuyển dài hạn với các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và Logistic lớn trong khu vực. Công ty cũng bắt

đầu ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý đội xe và theo dõi lộ trình, từng bước nâng cao hiệu quả điều hành và tiết kiệm chi phí vận hành.

Sự tăng trưởng được thể hiện rõ qua chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các năm:

- + Năm 2023: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 12.916.226.771 VNĐ, đánh dấu bước phát triển ổn định trong giai đoạn đầu sau thành lập.
- + Năm 2024: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng vượt trội lên 21.357.747.755 VNĐ, tăng 65,3% so với năm trước, phản ánh việc mở rộng thị trường, tăng cường hợp đồng vận tải và hiệu quả từ dịch vụ bán phụ tùng.
- + Năm 2025: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tiếp tục tăng trưởng, đạt 22.633.790.428 VNĐ, cho thấy công ty đã củng cố được năng lực cạnh tranh và duy trì được đà tăng trưởng ổn định trong bối cảnh thị trường nhiều biến động.

Như vậy, chỉ trong vòng 3 năm (2023–2025), doanh thu của công ty đã tăng gần gấp đôi, từ khoảng 12,9 tỷ lên 22,6 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 32% mỗi năm. Điều này không chỉ cho thấy quy mô kinh doanh được mở rộng mà còn phản ánh năng lực quản trị, điều hành và chiến lược phát triển thị trường hiệu quả của Ban lãnh đạo công ty.

➤ Thuận lợi của công ty:

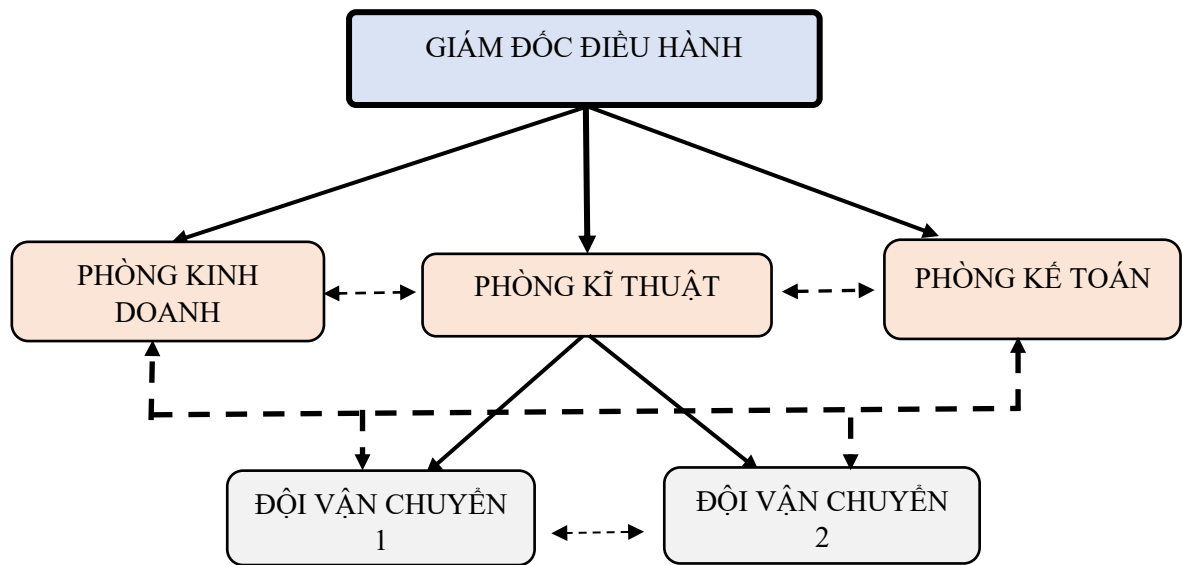
- + Nhà nước đang chú trọng rất nhiều vào ngành này. Thông qua việc soạn thảo, ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ để ngành phát triển tốt nhất.
- + Các tuyến đường đã được cải thiện rõ rệt, quốc lộ 1A mở rộng cơ bản đã được thông suốt, cao tốc Bắc – Nam đang dần hoàn thiện nên chất lượng dịch vụ của công ty cũng được cải thiện đáng kể, gây dựng được nhiều uy tín cho khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

➤ Khó khăn mà công ty gặp phải:

- + Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng có quy mô sản xuất kinh doanh và tiềm năng hoạt động còn nhỏ và bị hạn chế về nhiều mặt như thị trường, giá dầu ngày càng tăng... Ngoài ra sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt cũng là một trở ngại lớn đối với Công ty.

2.1.2: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

a) Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 12: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

Ghi chú:

Chỉ đạo:

Phối hợp:

b) Chức năng và nhiệm vụ

➤ Giám đốc điều hành: Là người chịu trách nhiệm tối cao trước Nhà nước và tập thể về kết quả kinh doanh của công ty. Giám đốc có nhiệm vụ điều hành toàn bộ hoạt động, quản lý tài sản - nhân sự - tài chính, và đảm bảo an ninh, an toàn lao động. Bên cạnh đó, giám đốc còn chịu trách nhiệm về công tác đối ngoại và chăm lo đời sống người lao động. Trực tiếp chỉ đạo và ra quyết định cuối cùng đối với tất cả các Phòng ban (Kế toán, Kinh doanh, Kỹ thuật) và các Đội Vận chuyển. Tiếp nhận báo cáo, đề xuất từ tất cả các bộ phận để đưa ra quyết định quản lý tổng thể.

➤ Phòng kế toán gồm có 3 nhân sự. Quản lý toàn bộ hoạt động tài chính, kế toán của công ty. Phòng thực hiện công tác kế toán, thống kê và quản lý tài sản theo đúng quy định pháp luật. Nhiệm vụ chính là cung cấp thông tin tài chính trung thực để tham mưu cho ban lãnh đạo và đáp ứng nhu cầu vốn cho kinh doanh, quản lý dòng tiền, tài sản, lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, thực hiện nghĩa vụ thuế. Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc. Phối hợp với phòng kinh doanh để theo dõi công nợ phải thu, xác nhận doanh thu, cung cấp dữ liệu tài chính phục vụ lập báo giá và chính sách bán hàng. Phối hợp với đội kỹ thuật để quản lý chi phí sửa chữa, mua sắm vật tư, phụ tùng, tính khấu hao tài sản (xe cộ). Thanh toán lương, phụ cấp và các chi phí phát

sinh trực tiếp từ hoạt động vận tải (xăng dầu, phí đường bộ...) cho đội vận chuyển 1 và 2.

➤ Phòng Kinh doanh gồm có 3 nhân sự. Có chức năng tham mưu cho Giám đốc về các hoạt động bán hàng, phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường. Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc. Đồng thời phối hợp với phòng kế toán để theo dõi, thu hồi nợ và phát triển quan hệ khách hàng. Phối hợp với phòng kỹ thuật để đảm bảo phương tiện đáp ứng yêu cầu vận chuyển theo hợp đồng, tư vấn kỹ thuật cho sản phẩm bán ra (lốp xe). Bàn giao kế hoạch vận chuyển cho 2 đội vận chuyển, theo dõi tiến độ giao hàng và phản hồi từ khách hàng về chất lượng dịch vụ.

➤ Phòng kỹ thuật gồm có 2 nhân sự. Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc. Đảm nhận công tác tham mưu về kỹ thuật, công nghệ và chất lượng dịch vụ. Sửa chữa các xe của công ty khi gặp hư hỏng. kiểm tra chất lượng các mặt hàng lốp xe mua vào của công ty. Phối hợp với phòng kế toán để lập dự toán, đề xuất thanh toán chi phí sửa chữa, mua sắm vật tư. Cung cấp thông tin về tình trạng phương tiện, hỗ trợ kỹ thuật cho dịch vụ bán hàng. Tiếp nhận thông tin hư hỏng từ 2 đội vận chuyển, cử người sửa chữa, hướng dẫn bảo dưỡng xe, kiểm tra xe trước và sau chuyến đi.

➤ Đội vận chuyển chia làm 2 đội, gồm có 12 nhân viên. Chịu trách nhiệm chính trong việc vận chuyển sản phẩm đến tay khách hàng. Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc về mặt tổ chức và điều hành công việc chung. Các đội theo dõi, đánh giá chất lượng dịch vụ cung ứng để kịp thời phát hiện và khắc phục sự cố. Đồng thời nghiên cứu, áp dụng các quy trình nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng hệ thống vận chuyển. Phối hợp với phòng kinh doanh để nhận lệnh vận chuyển, báo cáo tiến độ, phản ánh vấn đề phát sinh tại hiện trường. Báo cáo sự cố kỹ thuật, đề nghị bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện với phòng kỹ thuật. Làm việc với phòng kế toán để làm thủ tục thanh toán các khoản chi phí trực tiếp, tạm ứng và thanh toán lương.

2.1.3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

Chỉ tiêu	Năm 2024 (VNĐ)	Năm 2025 (VNĐ)	Mức	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	21.357.747.755	22.633.790.428	1.276.042.673	5,64%
Giá vốn hàng bán	20.163.586.362	19.690.840.859	-472.745.503	-2,40%

Lợi nhuận gộp	1.194.161.393	2.942.949.569	1.748.788.176	59,42%
Lợi nhuận trước thuế	126.974.655	1.781.407.989	1.654.433.334	92,87%
Lợi nhuận sau thuế	114.277.189	1.629.988.310	1.515.711.121	92,99%

Bảng 1: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

Có thể thấy tình hình kinh doanh của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng năm 2025 đã có sự bứt phá rất rõ rệt so với năm 2024.

Cụ thể, doanh thu thuần năm 2025 chỉ tăng nhẹ 5,6% (từ 21,36 tỷ lên 22,63 tỷ đồng), nhưng điểm đáng chú ý nhất là giá vốn hàng bán lại giảm 2,4% (từ 20,16 tỷ xuống 19,69 tỷ đồng). Nhờ đó, lợi nhuận gộp đã tăng vọt lên 2,94 tỷ đồng, tăng 59,42% so với năm 2024.

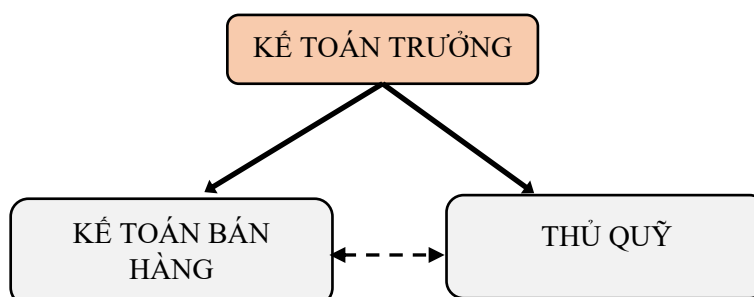
Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế cũng tăng đột biến, lần lượt tăng 92,87% và hơn 92,99% so với năm trước. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 1,63 tỷ đồng, trong khi năm 2024 chỉ vỏn vẹn 114 triệu đồng.

Như vậy, Công ty không tăng trưởng bằng cách đẩy mạnh doanh thu, mà bằng cách kiểm soát chi phí (đặc biệt là giá vốn) cực kỳ hiệu quả. Đây là một sự chuyển biến rất tích cực, cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh đã đi vào chiều sâu và có nền tảng vững chắc hơn so với năm 2024.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

2.1.4.1. Bộ máy kế toán tại Công ty

a) Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty



Sơ đồ 13: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

Ghi chú:

Chỉ đạo: 

Phối hợp: 

b) Chức năng và nhiệm vụ

➤ Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng. Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán. Lập Báo cáo tài chính. Phân công công việc, hướng dẫn nghiệp vụ và giám sát công việc của Kế toán viên và Thủ quỹ. Làm việc trực tiếp với Giám đốc, phối hợp với trưởng các phòng ban khác (Kinh doanh, Kỹ thuật) để thu thập thông tin, giải quyết các vấn đề liên quan đến tài chính, công nợ, chi phí.

➤ Kế toán bán hàng là người thực hiện hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày, đặc biệt tập trung vào nghiệp vụ bán hàng, cung cấp dịch vụ và theo dõi công nợ phải thu (TK 131, 511). Lập các chứng từ kế toán: Hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi (dự thảo), bảng kê. Ghi chép sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký Chung trên phần mềm Excel: Sổ Nhật ký Chung, Sổ Cái các tài khoản liên quan. Theo dõi chi tiết công nợ từng khách hàng. Phối hợp lập bảng tính giá vốn, tính lương, các báo cáo thuế (GTGT, TNCN) hàng tháng/quý. Nhận nhiệm vụ trực tiếp từ Kế toán trưởng. Đối chiếu số liệu thu, chi tiền mặt hàng ngày và cuối tháng với thủ quỹ.

➤ Thủ quỹ là người quản lý tiền mặt của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi do kế toán tiền mặt đưa sang để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phản thu chi. Sau đó tổng hợp đối chiếu thu chi với kế toán tiền mặt. Cuối tháng cùng với kế toán trưởng và giám đốc tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt tại kết. Nhận nhiệm vụ và chịu sự kiểm tra của Kế toán trưởng.

2.1.4.2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại công ty

Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng đang áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC.

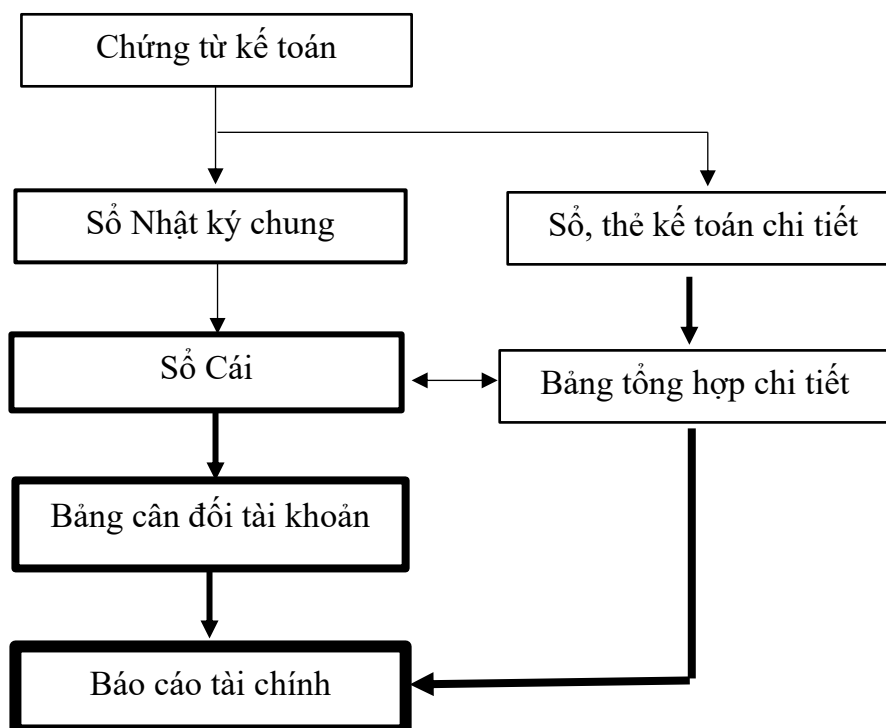
- Niên độ kế toán: từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.
- Kỳ lập báo cáo tài chính: năm.
- Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán: Việt Nam đồng (VND)
- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá xuất kho: nhập trước xuất trước.

- Tính khấu hao tài sản cố định: khấu hao đường thẳng.
- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

2.1.4.3. Hình thức sổ sách kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung và sử dụng Microsoft Excel làm công cụ chính để thực hiện toàn bộ quy trình ghi sổ, tổng hợp số liệu và lập báo cáo.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung:



Sơ đồ 14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

Ghi chú

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ: $\longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

Công ty không mở sổ nhật ký đặc biệt

Công ty sử dụng: Microsoft excel

Toàn bộ nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được lập và thu thập chứng từ gốc hợp lệ. Sau đó, kế toán viên sẽ sử dụng phần mềm Excel để thực hiện bước hạch

toán đầu tiên: nhập liệu các nghiệp vụ vào các file sổ nhật ký chung hoặc sổ chi tiết theo đúng hệ thống tài khoản và định khoản đã quy định.

Dựa trên dữ liệu đã nhập, kế toán sử dụng các công thức (như SUMIF, VLOOKUP, PivotTable) trên Excel để tổng hợp, phân loại số liệu theo từng tài khoản, đối tượng hoặc chứng từ. Từ đó kết hợp với các thao tác thủ công của kế toán cùng với hỗ trợ của phần mềm, kế toán viên sẽ tiến hành tổng hợp số liệu để lên các báo cáo chi tiết và tổng hợp như sổ cái, bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán sử dụng số liệu đã được tổng hợp để lập các báo cáo tài chính chính thức trên Excel, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Công việc cuối cùng là kiểm tra, đối chiếu tính chính xác và cân đối giữa các báo cáo trước khi in ấn, lưu trữ và nộp cho cơ quan quản lý.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

2.2.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

a) Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa bằng đường bộ, cụ thể là chuyên chở các loại than, cát, đá, cao lanh từ các mỏ khai thác ra các cảng biển lớn như: Cảng Hòn La, Cảng Thủy Nội Địa Đức Toàn. Ngoài ra còn vận chuyển các loại hàng hóa và thành phẩm khác đi khắp cả nước. Bên cạnh dịch vụ vận tải, công ty còn kinh doanh bán phụ tùng ô tô, chủ yếu là lốp xe tải, nhằm đa dạng hóa nguồn thu và tận dụng khách hàng sẵn có. Công ty có đội xe riêng, ứng dụng công nghệ vào quản lý lộ trình và vận hành.

b) Quy trình bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty:

- Đối với cung ứng dịch vụ: Đầu tiên, công ty tiếp nhận đơn đặt hàng từ khách hàng và yêu cầu vận chuyển. Sau đó, nhân viên kinh doanh dựa trên thông tin hàng hóa, quãng đường và các yếu tố liên quan để lập báo giá chi tiết và gửi cho khách hàng duyệt. Khi hai bên thống nhất, hợp đồng vận chuyển chính thức sẽ được soạn thảo và ký kết, xác nhận các điều khoản và trách nhiệm của các bên. Dựa trên hợp đồng, đội vận chuyển tổ chức lấy hàng và thực hiện giao hàng tận nơi cho người nhận theo đúng cam kết. Sau khi hoàn tất việc giao nhận, công ty xuất hóa đơn dịch vụ cho khách hàng để thanh toán số tiền đã thỏa thuận.

- Đối với bán hàng hoá: nhân viên tiếp nhận và tư vấn nhu cầu thay thế, sửa chữa của khách hàng để lựa chọn loại lốp phù hợp. Tiếp theo, nhân viên sẽ kiểm tra kho, báo giá chi tiết (bao gồm giá lốp, phí dịch vụ thay lốp, cân bằng...) và chốt đơn hàng. Sau khi khách hàng chấp thuận, kỹ thuật viên sẽ tiến hành tháo lốp cũ, lắp lốp mới, cân bằng và bơm hơi theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật. Hoàn tất dịch vụ, nhân viên xuất hóa đơn thanh toán, ghi nhận thông tin bảo hành và hướng dẫn khách hàng sử dụng, bảo dưỡng lốp xe định kỳ.

c) Phương thức thanh toán

- Thanh toán ngay khi nhận được đơn hàng vận chuyển: thường xảy ra với các đơn hàng nhỏ lẻ, vận chuyển vật tư hoặc thiết bị trong thời gian ngắn, giá trị đơn hàng thấp.

- Thanh toán sau khi hoàn thành đơn hàng: thường được áp dụng với các đơn hàng lớn, vận chuyển dài ngày đối với các mặt hàng như đá, cát ở các mỏ khoáng sản, vận chuyển ra các Cảng lớn, thường là sau 1 tuần hoặc thậm chí có thể là vài tháng.

2.2.2. Kế toán doanh thu, thu nhập tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

2.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

a) Các loại doanh thu tại Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Vận tải cát, đá, than, cao lanh đến các Cảng biển lớn như là: Cảng Hòn La,..; Các Cửa khẩu lớn như là: Layla,...Vận tải một số thành phẩm ở các nhà máy đến các nơi tiêu thụ. Các công ty thuê để vận chuyển một số vật tư thiết yếu.

- Doanh thu bán hàng hoá: Đến từ việc bán các loại phụ tùng xe ô tô, xe tải.

b) Chứng từ sử dụng

Để hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, chứng từ kế toán chính được sử dụng là: Hóa đơn GTGT. Kèm theo các chứng từ khác như: hợp đồng kinh tế, bảng kê, biên bản nghiệm thu khối lượng, biên bản nghiệm thu giá trị, giấy đề nghị thanh toán, giấy báo có hoặc phiếu thu, đơn đặt hàng, phiếu xuất kho...

c) Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

- Để hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty, tài khoản chính được sử dụng là:

- Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Có 2 tài khoản cấp 2 mà công ty sử dụng

+ 5111: Doanh thu bán hàng hóa

+ 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Sổ sách kế toán sử dụng:

+ Sổ Nhật Ký Chung

+ Sổ Cái TK 511

+ Sổ chi tiết TK 5111 và TK 5113

d) Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu

Các Bước	Công việc	Kết quả
Bước 1: tiếp nhận đơn đặt hàng và lập hợp đồng.	- Phòng Kinh doanh tiếp nhận yêu cầu từ khách hàng. - Lập Báo giá và đàm phán với khách. - Soạn thảo, ký kết hợp đồng chính thức hoặc xác nhận đơn hàng.	- Đối với dịch vụ vận chuyển: Hợp đồng vận chuyển. - Đối với bán phụ tùng xe: Đơn đặt hàng có xác nhận.
Bước 2: thực hiện dịch vụ/giao hàng và nghiệm thu.	➤ Đối với dịch vụ vận tải: - Đội Vận chuyển thực hiện vận chuyển hàng hóa theo hợp đồng. - Lập Biên bản nghiệm thu khối lượng/giá trị khi hoàn thành và có chữ ký xác nhận của khách hàng. ➤ Đối với bán phụ tùng xe: - Xuất kho hàng hoá theo yêu cầu.	- Đối với dịch vụ vận chuyển: Biên bản nghiệm thu khối lượng, biên bản nghiệm thu giá trị (có chữ ký 2 bên). - Đối với bán phụ tùng xe: Phiếu xuất kho.

	- Bàn giao hàng hóa cho khách hàng.	
Bước 3: Lập hóa đơn và đề nghị thanh toán	- Kế toán căn cứ vào Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu khối lượng (hoặc Phiếu xuất kho) để lập Hóa đơn GTGT. - Lập Giấy đề nghị thanh toán để gửi cho khách hàng.	- Hóa đơn GTGT (gốc). - Giấy đề nghị thanh toán.
Bước 4: Thu tiền và lập chứng từ thu tiền	Tùy phương thức thanh toán: - Tiền mặt: Lập Phiếu thu, Thủ quỹ thu tiền và ký xác nhận. - Chuyển khoản: Nhận Giấy báo Có từ ngân hàng hoặc xác nhận giao dịch trên ngân hàng điện tử. - Nếu chưa thu tiền: Ghi nhận công nợ vào sổ.	- Phiếu thu (đối với tiền mặt). - Giấy báo Có (đối với chuyển khoản). - Ghi nhận vào Sổ chi tiết công nợ phải thu.
Bước 5: Kiểm tra, phê duyệt và ghi sổ kế toán	- Kế toán kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của toàn bộ chứng từ (Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, Hóa đơn, Phiếu thu/Giấy báo Có). - Thực hiện định khoản nghiệp vụ. - Ghi sổ: + Ghi nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký Chung theo trình tự thời gian. + Từ Sổ Nhật ký Chung, Excel chuyển dữ liệu vào Sổ Cái tài khoản: 511, Sổ chi tiết TK 5111, 5113.	- Số liệu đã được ghi nhận chính thức vào sổ sách kế toán. - Sổ Nhật ký Chung và Sổ Cái được cập nhật.

Bước 6: Lưu trữ chứng từ	- Sắp xếp toàn bộ chứng từ gốc của nghiệp vụ (từ Hợp đồng đến Hóa đơn, Phiếu thu) theo số hóa đơn hoặc theo tháng. - Đóng thành tập và lưu trữ tại văn phòng công ty. - Lưu file dữ liệu trên Excel vào máy tính.	- Hồ sơ chứng từ hoàn chỉnh được lưu trữ an toàn, sẵn sàng cho việc kiểm tra, đối chiếu sau này.
--------------------------	---	--

Bảng 2: Bảng phân tích trình tự luân chuyển chứng từ doanh thu tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

e) Các nghiệp vụ minh họa

Nghiệp vụ 1:

Theo hợp đồng số 10.10/2025/HĐVC/NP8386-HQ ký ngày 10/10/2025 (phụ lục 1) giữa Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng và Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386 về việc vận chuyển đá.

Đến ngày 08/12/2025, Biên bản xác nhận khối lượng vận chuyển (phụ lục 2) được lập và đại diện 2 bên cùng nhau ký xác nhận.

Kế toán công ty căn cứ vào Biên bản xác nhận khối lượng vận chuyển ngày 08/12/2025 và xuất hoá đơn điện tử GTGT số 257 ký hiệu 1C25THQ với nội dung: Vận chuyển đá 40-90mm từ mỏ Mai Thanh, xã Tuyên Phú đến cảng Hòn La, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị. Biển số xe: (73G-01272, 73H-00972, 73H-01190, 73H-03008). Với tổng số tiền thanh toán là 48.847.200 đồng đã bao gồm thuế GTGT là 8% và chưa thu tiền.

Trình tự xuất hoá đơn: Đăng nhập: Truy cập vào trang S-Invoice (vinvoice.viettel.vn) và đăng nhập tài khoản doanh nghiệp. → Vào "Quản lý hóa đơn" → Chọn "Hóa đơn chưa phát hành" → Nhấn nút "Lập hóa đơn". → Nhập tên, địa chỉ, Mã số thuế (MST) người mua → Chọn hình thức thanh toán (CK) → Nhập tên hàng hóa/dịch vụ, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thuế suất, thành tiền. → Sau khi nhập đủ thông tin, chọn "Ký và phát hành" hóa đơn.

Dựa vào nghiệp vụ phát sinh, kế toán xuất hoá đơn GTGT như sau:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE) Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display) Ngày (date) 08 tháng (month) 12 năm (year) 2025		Ký hiệu (Serial): 1C25THQ Số (No.): 257			
Đơn vị bán hàng (Issued): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUẢNG Mã số thuế (Tax code): 3101094049 Địa chỉ (Address): Khu Phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Điện thoại (Phone number): 0918019609 Số tài khoản (Account No.): 5321026468 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình					
Họ tên người mua hàng (Buyer name): Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG NAM PHÁT 8386 Mã số thuế (Tax code): 3101134982 Địa chỉ (Address): Thôn Tân Cảnh, xã Hòa Trạch, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Hình thức thanh toán (Payment method): DTCN Số tài khoản (Account No.): Ghi chú (Note):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Vận chuyển đá 40-90mm từ mỏ Mai Thanh, xã Tuyên Phú đến cảng Hòn La, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị. Biển số xe: 73G-01272	Tấn	301,35	55.555,555	16.741.666
2	Vận chuyển đá 40-90mm từ mỏ Mai Thanh, xã Tuyên Phú đến cảng Hòn La, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị. Biển số xe: 73H-00972	Tấn	98,4	55.555,555	5.466.667
3	Vận chuyển đá 40-90mm từ mỏ Mai Thanh, xã Tuyên Phú đến cảng Hòn La, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị. Biển số xe: 73H-01190	Tấn	54,03	55.555,555	3.001.667
4	Vận chuyển đá 40-90mm từ mỏ Mai Thanh, xã Tuyên Phú đến cảng Hòn La, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị. Biển số xe: 73H-03008	Tấn	360,34	55.555,555	20.018.889
	Theo hợp đồng số: 10.10/2025/HĐVC/NP8386-HQ ký ngày 10/10/2025 và Biên bản xác nhận khối lượng vận chuyển ngày 08/12/2025				
Cộng tiền hàng (Total amount):					45.228.889
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.618.311
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment):					48.847.200
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm đồng					
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name)			Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name) Signature valid Ký bởi CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUẢNG Ký ngày 08/12/2025		
Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search. Mã số bí mật: D5U4KR87D8Y5B9N. Mã của cơ quan thuế: 0006E1CFA2BC6240B4BD2468F742B4C9B6					

Hình ảnh 1: Hoá đơn GTGT số 257

Cùng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã lập, kế toán viên của công ty nhập liệu vào sheet “Sổ nhật ký chung” trong file “Sổ sách 2025” trên phần mềm Microsoft excel.

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
20/11/2025	HD241	20/11/2025	Thương mại và xây dựng Xuân Châu	1121	11.481.481										
20/11/2025	HD241	20/11/2025	Doanh thu vận chuyển cho Công ty Cổ phần Thương mại và xây dựng Xuân Châu	5113		11.481.481									
20/11/2025	HD241	20/11/2025	Thuế GTGT đầu ra khi cung cấp dịch vụ vận chuyển cho Công ty Cổ phần Thương mại và xây dựng Xuân Châu	1121	918.519										
20/11/2025	HD241	20/11/2025	Thuế GTGT đầu ra khi cung cấp dịch vụ vận chuyển cho Công ty Cổ phần Thương mại và xây dựng Xuân Châu	3331		918.519									
...	...	...	...	...	...	...	...								
08/12/2025	HD 257	08/12/2025	Doanh thu vận chuyển cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	131	45.228.889										
08/12/2025	HD 257	08/12/2025	Doanh thu vận chuyển cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	5113		45.228.889									
08/12/2025	HD 257	08/12/2025	Thuế GTGT đầu ra khi cung cấp dịch vụ vận chuyển cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	131	3.618.311										
08/12/2025	HD 257	08/12/2025	Thuế GTGT đầu ra khi cung cấp dịch vụ vận chuyển cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	3331		3.618.311									

Hình ảnh 2: Giao diện nhập liệu tại phần mềm Microsoft excel.

➤ Sổ Nhật ký chung năm 2025 (xem ở Phụ lục 3)

Sau đó từ sheet “Sổ nhật kí chung”, hàm VLOOKUP đã được tạo trước đó sẽ đẩy dữ liệu qua sheet “Sổ chi tiết TK 5113” và sheet “Sổ cái TK 511” trong cùng 1 file là “Sổ sách 2025”.

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị					(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ								
Loại tiền: VNĐ								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
14/11/2025	HĐ234	14/11/2025	Doanh thu vận chuyển cho Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Mai Khanh	1121		223.990.090		
15/11/2025	HĐ 235	15/11/2025	Doanh thu vận chuyển cho Công ty cổ phần tổng công ty Sông Gianh	1121		3.300.000		
...	...	...	...	...	...	...	...	...
20/11/2025	HĐ241	20/11/2025	Doanh thu vận chuyển cho Công ty Cổ phần Thương mại và xây dựng Xuân Châu	1121		11.481.481		
...	...	...	...	...	...	...	...	...
08/12/2025	HĐ 257	08/12/2025	Doanh thu vận chuyển cho và Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	131		45.228.889		
...	...	...	...	...	...	...	...	...
25/12/2025	HĐ277	25/12/2025	Doanh thu vận chuyển cho Công ty TNHH Đầu tư tổng hợp Thành Phát 279	131		249.204.221		
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KC3/01	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	911	21.632.159.186			
			- Cộng số phát sinh	x	21.632.159.186	21.632.159.186	x	x
- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...								
- Ngày mở sổ: ...								
Ngày ... tháng ... năm ...								
Người lập biểu			Kế toán trưởng		Người đại diện theo pháp luật			
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)			
Ghi chú: Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ Sổ Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế								

Hình ảnh 3: Trích Sổ chi tiết TK 5113 năm 2025

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng				Mẫu số S03b-DNN				
Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị				(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)				
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Năm 2025								
Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ								
Số hiệu : TK 511								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm. - Số phát sinh trong tháng					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
14/08/2025	HD180	14/08/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.			131		157.407.405
14/08/2025	HD181	14/08/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Dịch vụ vận tải và du lịch Hoàng Gia	...	...	1121	...	12.222.222
...	...	...	...	...	...	...	...	...
24/09/2025	HD210	24/09/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.			131		92.592.593
...	...	...	...	...	...	...	...	...
14/11/2025	HD234	14/11/2025	Doanh thu vận chuyển cho Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Mai Khanh			131		223.990.090
...	...	...	...	...	...	...	...	...
8/12/2026	HD257	8/12/2026	Doanh thu vận chuyển cho và Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386			131		45.228.889
...	...	...	...	...	...	...	...	...
25/12/2025	HD277	25/12/2025	Doanh thu vận chuyển cho Công ty TNHH Đầu tư tổng hợp Thành Phát 279			131		249.204.221
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	HD285	31/12/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.			131		138.888.889
31/12/2025	KC03/3	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			911	22.633.790.428	
			- Cộng Số phát sinh				22.633.790.428	22.633.790.428
Đánh số từ trang số 01 đến trang ...								
Ngày mở sổ:...								
							Ngày ... tháng ... năm ...	
Người lập biểu			Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật				
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)				

Hình ảnh 4: Trích Sổ Cái TK 511 năm 2025

Nghiệp vụ 2: Ngày 29/12/2025 Công ty đã xuất bán 6 bộ lốp ô tô tải loại 100R20 hiệu FRIDERIC với đơn giá là 4.850.000 đồng, 24 bộ lốp ô tô SEMES 1200 24PR20 24PR SD388 PLUS với đơn giá 3.400.000 đồng và 13 bộ lốp ô tô Haulmax 10.00-20-20 GK919 với đơn giá là 2.168.376,07 đồng cho Công ty TNHH Xây dựng Tổng

hợp Bình An. Tổng số tiền thanh toán là 150.000.000 đồng (đã bao gồm VAT 8%) theo hoá đơn số 285. Khách hàng chưa thanh toán.

Dựa vào nghiệp vụ phát sinh, kế toán xuất hoá đơn GTGT như sau:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE) Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display) Ngày (date) 31 tháng (month) 12 năm (year) 2025			Ký hiệu (Serial): 1C25THQ Số (No.): 285		
Đơn vị bán hàng (Issued): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUẢNG Mã số thuế (Tax code): 3101094049 Địa chỉ (Address): Khu Phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Điện thoại (Phone number): 0918019609 Số tài khoản (Account No.): 5321026468 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình					
Họ tên người mua hàng (Buyer name): Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP BÌNH AN Mã số thuế (Tax code): 3100306935 Địa chỉ (Address): Tổ dân phố Minh Lợi, phường Bắc Gianh, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Hình thức thanh toán (Payment method): CK Số tài khoản (Account No.): Ghi chú (Note):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Lốp ô tô 1200R20 hiệu FRIDERIC	Bộ	6	4.850.000	29.100.000
2	Lốp ô tô SEMES 1200R20 24PR SD388 PLUS	Bộ	24	3.400.000	81.600.000
3	Lốp Haulmax 10.00-20-20 GK919	Bộ	13	2.168.376,07	28.188.889
Cộng tiền hàng (Total amount):					138.888.889
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		11.111.111
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment):					150.000.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một trăm năm mươi triệu đồng					
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name)			Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign, full name) Signature valid Ký bởi CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUẢNG Ký ngày 31/12/2025		
Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search . Mã số bí mật: KJ5FM42XV2DGKG2. Mã của cơ quan thuế: 00206975693B4942AD80AFB558ABCD3B3A					

Hình ảnh 5: Hoá đơn GTGT số 285

Cùng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã lập, kế toán viên của công ty nhập liệu vào sheet “Sổ nhật ký chung” trong file “Sổ sách 2025” trên phần mềm Microsoft excel.

➤ Sổ Nhật ký chung năm 2025 xem ở Phụ lục 3

Sau đó từ sheet “Sổ nhật ký chung”, hàm VLOOKUP đã được tạo trước đó sẽ đẩy dữ liệu qua sheet “Sổ chi tiết TK 5111” và sheet “Sổ cái TK 511” trong cùng 1 file là “Sổ sách 2025”.

➤ Sổ chi tiết tài khoản 5111

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ:Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị					(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)			
SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN								
Tài khoản:5111 - Doanh thu bán hàng hoá								
Loại tiền: VND								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
14/08/2025	HĐ180	14/08/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	131		157.407.405		
14/08/2025	HĐ181	14/08/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Dịch vụ vận tải và du lịch Hoàng Gia	1121		12.222.222		
23/08/2025	HĐ188	23/08/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	131		92.592.592		
24/09/2025	HĐ210	24/09/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	131		92.592.593		
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	HĐ285	31/12/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	131		138.888.889		
31/12/2025	KC2/01	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng hoá	911	1.001.631.242			
			- Cộng số phát sinh	x	1.001.631.242	1.001.631.242	x	x
- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...								
- Ngày mở sổ: ...								
Người lập biểu					Ngày ... tháng ... năm ...			
(Ký, họ tên)					Người đại diện theo pháp luật			
					(Ký, họ tên, đóng dấu)			
Ghi chú: Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề								

Hình ảnh 6: Trích Sổ chi tiết TK 5111 năm 2025

➤ Sổ Cái tài khoản 511 (xem lại hình ảnh 4: Trích Sổ cái TK 511 trang 48)

2.2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

Trong năm 2025 Công ty không có các khoản giảm trừ doanh thu:

- Công ty không áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại.
- Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

2.2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

Trong năm 2025 Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng có phát sinh doanh thu hoạt động tài chính nhưng kế toán viên không tiến hành ghi nhận vào sổ sách kế toán của Công ty.

2.2.2.4. Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

Trong năm 2025 Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng không phát sinh các khoản thu nhập khác.

2.2.3. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

2.2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

a) Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ trực tiếp sử dụng: Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, ủy nhiệm chi, phiếu xuất kho, kèm theo các chứng từ liên quan khác
- Sổ sách sử dụng: Sổ cái tài khoản 632, công ty không mở các sổ chi tiết về giá vốn hàng bán.

b) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

c) Phương pháp hạch toán

➤ Đối với giá vốn của hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển: Trong kỳ, tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động vận chuyển: (nhiên liệu, lương tài xế, chi phí sửa chữa bảo dưỡng xe, chi phí cầu đường, bến bãi, khấu hao xe, chi phí thuê xe ngoài...) được kế toán tập hợp vào bên Nợ tài khoản 154 – "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang". Cuối kỳ, kế toán thực hiện kết chuyển toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động vận tải sang tài khoản 632 – "Giá vốn hàng bán" để xác định giá vốn của dịch

vụ đã cung cấp (xem ở hình ảnh 8: Trích Sổ cái TK 632 năm 2025 trang 53).

➤ Đối với giá vốn hoạt động bán hàng hóa: Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

Nghiệp vụ 3: Dựa vào nội dung ở nghiệp vụ 2 (trang 48), giá vốn của hoá đơn GTGT 285 được thể hiện trên phiếu xuất kho số 14.

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng		Mẫu số 02 - VT				
		(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)				
Địa chỉ:	Khu phố 5, phường Ba Đồn, tỉnh Quảng Trị					
PHIẾU XUẤT KHO						
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Số: 14						
Họ và tên người nhận hàng: Công ty TNHH Xây dựng và tổng hợp Bình An						
Địa chỉ (bộ phận): P. Quảng Thọ, Tx Ba Đồn, Quảng Bình						
- Lý do xuất kho: xuất bán hàng hoá						
- Xuất tại kho (ngăn lô): Kho lớp Địa điểm						
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Lốp ô tô 1200R20 hiệu FRIDERIC		Bộ	6	4.450.000	26.700.000
2	Lốp ô tô SEMES 1200R20 24PR SD388 PLUS		Bộ	24	3.150.000	75.600.000
3	Lốp Haulmax 10,00-20-20 GK919		Bộ	13	1.868.376,07	24.288.889
	Cộng	x	x		x	126.588.889
Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng						
- Số chứng từ gốc kèm theo:.....						
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Người lập	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc		

Hình ảnh 7: Phiếu xuất kho của hoá đơn GTGT 285

Căn cứ vào hoá đơn GTGT nhận được và phiếu xuất kho đã lập, kế toán viên nhập liệu vào sheet “Sổ nhật ký chung” trong file “Sổ sách 2025” trên phần mềm Microsoft excel.

➤ Sổ Nhật ký chung năm 2025 (Xem ở Phụ lục 3)

Sau đó từ sheet “Sổ nhật kí chung”, hàm VLOOKUP đã được tạo trước đó sẽ đẩy dữ liệu qua Sổ cái TK 632” trong cùng 1 file là “Sổ sách 2025”.

➤ Sổ Cái tài khoản 632

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng				Mẫu số S03b-DNN				
Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị				(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)				
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Năm 2025								
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán								
Số hiệu: TK 632								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm. - Số phát sinh trong tháng					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
23/08/2025	PXK06	23/08/2025	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH Xây dựng và tổng hợp Bình An			156	87.642.971	
26/07/2025	PXK07	26/07/2025	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH Xây dựng và tổng hợp Bình An			156	35.618.026	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/09/2025	PXK09	15/09/2025	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386			156	27.684.684	
29/12/2025	PXK10	29/12/2025	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386			156	9.770.370	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	PXK 14	31/12/2025	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH Xây dựng và tổng hợp Bình An			156	126.588.889	
31/12/2025	KC07/002	31/12/2025	Kết chuyển chi phí kinh doanh dở dang			154	18.838.340.859	
31/12/2025	KC08/001	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		19.690.840.859
			- Cộng Số phát sinh				19.690.840.859	19.690.840.859
, đánh số từ trang số 01 đến trang ...								
- Ngày mở sổ:...								
							Ngày ... tháng ... năm ...	
	Người lập biểu		Kế toán trưởng		Người đại diện theo pháp luật			
	(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)			

Hình ảnh 8: Trích Sổ Cái TK 632 năm 2025

2.2.3.2. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

Chi phí tài chính tại Công ty chủ yếu là chi phí lãi vay ngân hàng.

a) Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Giấy báo nợ, ủy nhiệm chi, bảng tổng hợp chi phí lãi vay

- Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 635

b) Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 635: Chi phí tài chính

c) Các nghiệp vụ minh họa

Nghiệp vụ 4: Ngày 19/12/2025, Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng trả cả lãi và gốc số tiền đã vay để mua xe có biển số là 73G-01264 và 73H-01169. Số tiền phải trả là 26.300.000 đồng, trong đó: 11.289.690 đồng là tiền lãi vay.



Hình ảnh 9: Lịch sử giao dịch trả gốc lãi vay ngân hàng của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

Căn cứ vào lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng vào ngày 19/12/2025, kế toán tiền hành nhập liệu vào sheet “Sổ nhật ký chung” trong file “Sổ sách 2025” trên phần mềm Microsoft excel.

➤ Sổ Nhật ký chung 2025 (Xem ở Phụ lục 3)

Sau đó từ sheet “Sổ nhật ký chung”, hàm VLOOKUP đã được tạo trước đó sẽ đẩy dữ liệu qua sheet “Sổ cái TK 635” trong cùng 1 file là “Sổ sách 2025”.

➤ **SỔ Cái tài khoản 635**

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng				Mẫu số S03b-DNN				
Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị				(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)				
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Năm 2025								
Tên tài khoản Chi phí tài chính								
Số hiệu : TK 635								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm. - Số phát sinh trong tháng					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/05/2025	CGL03/05	15/05/2025	Trả lãi vay mua xe 73G01272 (NH BIDV)			1121	6.955.387	
24/05/2025	CGL02/05	24/05/2025	Trả lãi vay mua xe 73F00370 (NH BIDV)			1121	6.699.452	
19/6/2025	CGL01/06	19/6/2025	Trả lãi vay xe 73F01264, 73H01169 (NH BIDV)			1121	13.265.421	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
23/08/2025	CGL02/08	23/08/2025	Trả lãi vay mua xe 73F00370 (NH BIDV)			1121	6.090.411	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/10/2025	CGL03/10	15/10/2025	Trả lãi vay mua xe 73G01272 (NH BIDV)			1121	7.380.414	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
19/12/2025	CGL01/012	19/12/2025	Trả lãi vay xe 73F01264, 73H01169 (NH BIDV)			1121	11.298.690	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KC06/01	31/12/2025	Kết chuyển chi phí tài chính			911		438.453.477
			- Cộng Số phát sinh				438.453.477	438.453.477
, đánh số từ trang số 01 đến trang ...								
- Ngày mở sổ:...								
						Ngày ... tháng ... năm ...		
Người lập biểu			Kế toán trưởng			Người đại diện theo pháp luật		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình ảnh 10: Trích Sổ cái TK 635 năm 2025

2.2.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

Chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng gồm: Chi phí tiền lương nhân viên, chi phí văn phòng phẩm; Các dịch vụ mua ngoài: tiền điện, tiền nước sinh hoạt, tiền thuê văn phòng, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc...

a) Chứng từ và sổ sách sử dụng

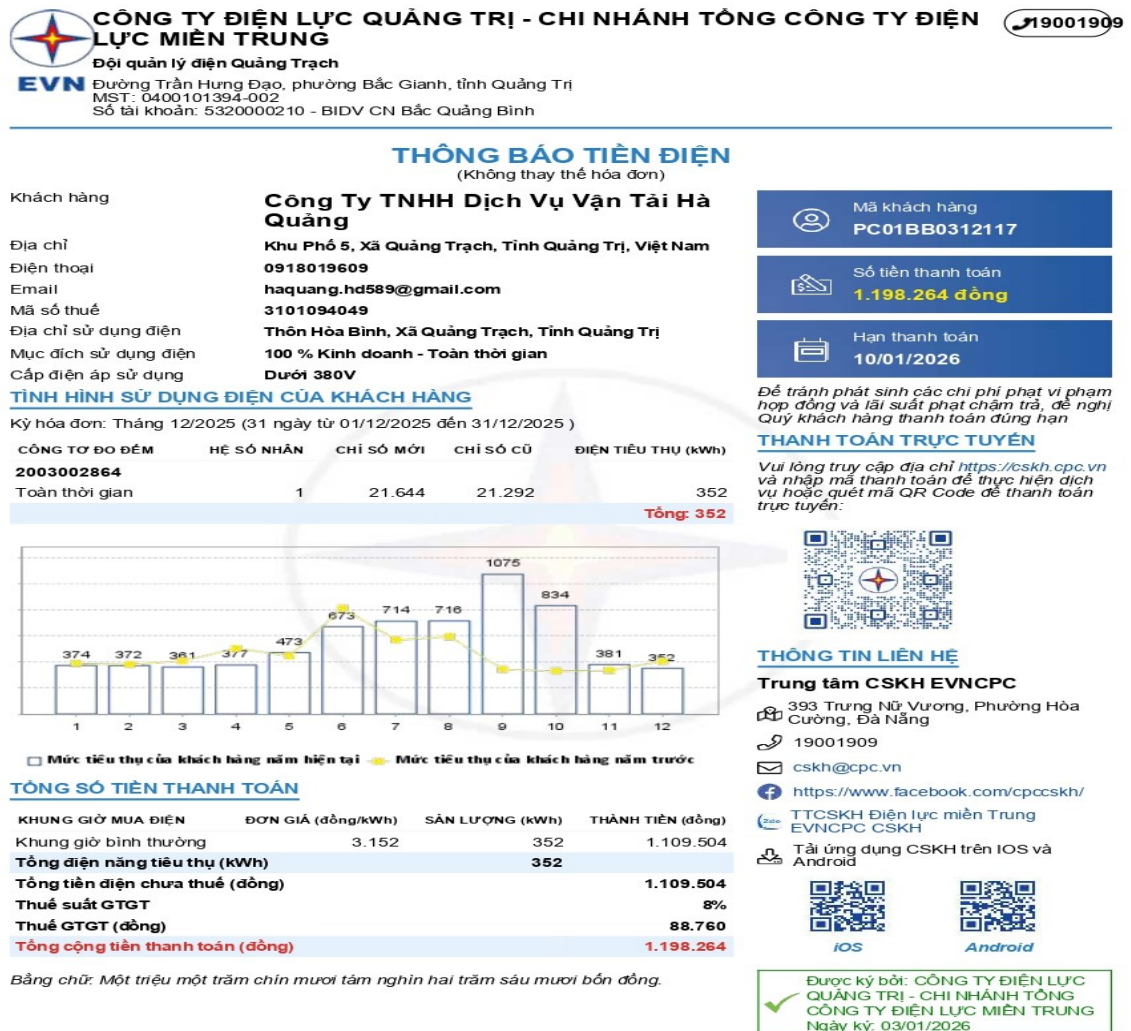
- Chứng từ sử dụng: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, bảng thanh toán tiền lương, bảng trích khấu hao tài sản cố định và các chứng từ liên quan khác.
- Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 642

b) Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh” để theo dõi chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp.

c) Các nghiệp vụ minh họa

Nghiệp vụ 5: Đầu tháng 12, Công ty nhận được thông báo tiền điện kỳ tháng 11 (phụ lục 4) từ Công ty điện lực Quảng Trị - Chi nhánh Tổng công ty điện lực Miền Trung. Nhưng trong quá trình ghi nhận vào sổ sách, kế toán viên đã ghi nhận nhầm số tiền điện của kỳ tháng 11 bằng số tiền điện của kỳ tháng 12 là 1.198.264 đồng.



Hình ảnh 11: Thông báo tiền điện tháng 12 năm 2025 của Công ty

Kế toán lập phiếu chi tiền mặt

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng		Mẫu số 01 - TT	
Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị		(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)	
PHIẾU CHI			
Ngày 10 tháng 12 năm 2025		Quyển số: 1	
		Số: 48	
		Nợ:	
		Có:	
Họ và tên người nhận tiền: Công ty điện lực Quảng Trị- Chi nhánh Tổng công ty điện lực Miền Trung			
Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, Phường Bắc Gianh, Tỉnh Quảng Trị			
Lý do chi: Chi trả tiền điện tháng 12/2025.....			
Số tiền: 1,198,264 (Viết bằng chữ): Một triệu một trăm chín mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng			
.....			
Kèm theo: Chứng từ gốc.			
Ngày tháng năm			
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập Thủ quỹ

Hình ảnh 12: Phiếu chi tiền điện tháng 12

Căn cứ vào thông báo đã nhận được và phiếu chi, kế toán tiền hành nhập liệu vào sheet “Sổ nhật ký chung” trong file “Sổ sách 2025” trên phần mềm Microsoft excel.

➤ Sổ Nhật ký chung 2025 (Xem ở Phụ lục 3)

Sau đó từ sheet “Sổ nhật kí chung”, hàm VLOOKUP đã được tạo trước đó sẽ đẩy dữ liệu qua sheet “Sổ cái TK 642” trong cùng 1 file là “Sổ sách 2025”.

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng				Mẫu số S03b-DNN				
Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị				(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)				
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Năm 2025								
Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh								
Số hiệu: TK 642								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm. - Số phát sinh trong tháng					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
10/7/2025	CGP01/07	10/7/2025	Phí BSMS tại BIDV			1121	55.000	
30/07/2025	CGN02/07	30/07/2025	Thanh toán tiền thuê văn phòng			1121	10.000.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
10/8/2025	CGP01/08	10/8/2025	Phí BSMS tại BIDV			1121	55.000	
30/08/2025	CGN02/07	30/08/2025	Thanh toán tiền thuê văn phòng			1121	10.000.000	
5/9/2025	CGL01/09	5/9/2025	Thanh toán lương cho Kế toán BH			334	6.000.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
5/12/2025	CGL01/09	5/12/2025	Thanh toán lương cho Kế toán BH			334	6.000.000	
9/12/2025	BH02	9/12/2025	Mua bảo hiểm dân sự bắt buộc cho xe tải			1121	6.400.000	
10/12/2025	CGP01/12	10/12/2025	Phí BSMS tại BIDV			1121	55.000	
10/12/2025	TD012	10/12/2025	Chi tiền mặt trả tiền điện tháng 12			111	1.109.504	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
25/12/2025	HD235	25/12/2025	Mua văn phòng phẩm			111	360.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KC009/003	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	31/12/2025		911		723.088.133
			- Cộng Số phát sinh				723.088.133	723.088.133
, đánh số từ trang số 01 đến trang ...								
- Ngày mở sổ:...								
							Ngày ... tháng ... năm ...	
	Người lập biểu		Kế toán trưởng		Người đại diện theo pháp luật			
	(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)			

Hình ảnh 13: Trích Sổ cái TK 642 năm 2025

2.2.3.4. Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

Trong năm 2025 tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng không phát sinh chi phí khác.

2.2.3.5. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

Công ty tính và nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

a) Chứng từ và sổ sách sử dụng

- + Tờ khai thuế TNDN
- + Ủy nhiệm chi
- + Biên lai nộp thuế

- Sổ sách sử dụng:

+ Sổ cái TK 821

b) Tài khoản sử dụng

TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

c) Các nghiệp vụ minh họa

Căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 (Mẫu 03/TNDN), Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng xác định số thuế TNDN phải nộp của năm 2025 là 151.419.679 đồng. Công ty chịu mức thuế suất 17% và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp.

Trong năm 2025, Công ty đã không thực hiện nghĩa vụ tạm nộp thuế TNDN hằng quý.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: **03/TNDN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: H49 - Vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải bằng đường ống

[05] Tỷ lệ (%): 80,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CONG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUANG

[07] Mã số thuế: 3101094049

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	1.781.407.989
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	1.781.407.989
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	0
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	0
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0

3.2	+ Lô từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	204.861.919
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	53.442.240
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	151.419.679
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ	G5	0

	sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiền độ		
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiền độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 31 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NGUYEN ANH TU

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiền độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUẢNG
Ngày ký: 31/03/2026 17:06:48.

Hình ảnh 14: Tờ khai thuế TNDN

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: B02
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẠN TÀI HÀ QUANG

[03] Mã số thuế: 3101094049

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		22.633.790.428	21.357.747.755
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		22.633.790.428	21.357.747.755
4. Giá vốn hàng bán	11		19.690.840.859	20.163.586.362
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.942.949.569	1.194.161.393
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		0	0
7. Chi phí tài chính	22		438.453.447	343.702.631
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		438.453.447	343.702.631
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		723.088.133	723.484.107
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		1.781.407.989	126.974.655
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.781.407.989	126.974.655
14. Chi phí thuế TNDN	51		151.419.679	12.697.466
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		1.629.988.310	114.277.189

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
NGUYEN ANH TU

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẠN TÀI HÀ QUANG.

Hình ảnh 15: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế TNDN đã nộp, kế toán tiến hành nhập liệu vào sheet “Sổ nhật ký chung” trong file “Sổ sách 2025” trên phần mềm Microsoft excel.

- Sổ Nhật ký chung 2025 (Xem Phụ lục 3)

Sau đó từ sheet “Sổ nhật kí chung”, hàm VLOOKUP đã được tạo trước đó sẽ đẩy dữ liệu qua sheet “Sổ cái TK 821” trong cùng 1 file là “Sổ sách 2025”.

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng				Mẫu số S03b-DNN				
Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị				(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)				
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Năm 2025								
Tên tài khoản - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp								
Số hiệu: TK 821								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm.					
			- Số phát sinh trong tháng					
31/12/2025	TNDN2025	31/12/2025	Thuế TNDN năm 2025			3334	151.419.679	
31/12/2025	KC009/003	31/12/2025	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			911		151.419.679
			- Cộng Số phát sinh				151.419.679	151.419.679
đánh số từ trang số 01 đến trang ...								
Ngày mở sổ:...								
Người lập biểu				Kế toán trưởng		Người đại diện theo pháp luật		
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình ảnh 16: Trích Sổ cái TK 821 năm 2025

2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

a) Chứng từ sử dụng

Tất cả các chứng từ liên quan đến doanh thu, chi phí ở các phân hành kế toán và các chứng từ khác.

b) Sổ sách sử dụng

Sổ cái tài khoản 911

c) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

d). Xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ kế toán mỗi tháng kế toán tổng hợp tại Công ty sẽ kết chuyển lãi lỗ để báo cáo lên kế toán trưởng và ban giám đốc biết để nắm bắt số liệu để định hướng tương lai phát triển của Công ty.

Vào ngày 31/12/2025 kế toán tổng hợp đã thực hiện bút toán kết chuyển lãi lỗ để xác định kết quả kinh doanh của Công ty năm 2025.

- Sổ Nhật ký chung 2025 (Xem ở Phụ lục 3)
- Sổ Cái tài khoản 911

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng						
Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị						
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tên tài khoản : Xác định kết quả kinh doanh						
Số hiệu: TK 911						
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm. - Số phát sinh trong tháng			
31/12/2025	PKT01	31/12/2025	Kết chuyển Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		22.633.790.428
31/12/2025	PKT02	31/12/2025	Kết chuyển Giá vốn hàng bán	632	19.690.840.859	
31/12/2025	PKT03	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí tài chính	635	438.453.447	
31/12/2025	PKT04	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí quản lý kinh doanh	642	723.088.133	
31/12/2025	PKT05	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí thuế TNDN	821	151.419.679	
31/12/2025	PKT06	31/12/2025	Kết chuyển Lợi nhuận sau thuế	421	1.629.988.310	
			- Cộng Số phát sinh		22.633.790.428	22.633.790.428
đánh số từ trang số 01 đến trang ...						
Ngày mở sổ:...						
					Ngày ... tháng ... năm ...	
Người lập biểu			Kế toán trưởng			
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Hình ảnh 17: Trích Sổ cái TK 911 năm 2025

CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUẢNG

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

3.1.1. Ưu điểm

Qua quá trình tìm hiểu và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng, có thể thấy công ty đã đạt được những ưu điểm sau:

- **Về tổ chức bộ máy kế toán:** Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, phù hợp với quy mô doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các nhân sự được phân công nhiệm vụ rõ ràng: Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức và giám sát toàn bộ công tác kế toán, kế toán viên thực hiện hạch toán các nghiệp vụ phát sinh, thủ quỹ quản lý tiền mặt. Sự phân công này đảm bảo tính chuyên môn hóa và hiệu quả trong công việc.

- **Về hệ thống chứng từ kế toán:** Công ty đã thực hiện khá đầy đủ và tuân thủ các quy định về chứng từ kế toán. Các chứng từ như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, biên bản nghiệm thu khối lượng, hợp đồng kinh tế... được lập và lưu trữ có hệ thống, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- **Về công tác hạch toán doanh thu:** Công ty đã thực hiện đúng nguyên tắc ghi nhận doanh thu theo Thông tư 133/2016/TT-BTC. Doanh thu được ghi nhận khi có đủ căn cứ từ hợp đồng, biên bản nghiệm thu và hóa đơn GTGT. Việc theo dõi chi tiết doanh thu theo từng tài khoản cấp 2 (TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa và TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ) giúp công ty dễ dàng phân tích kết quả kinh doanh theo từng lĩnh vực hoạt động.

- **Về công tác hạch toán chi phí:** Công ty đã thực hiện việc tập hợp chi phí khá đầy đủ, bao gồm chi phí giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh. Đặc biệt, đối với hoạt động vận tải, công ty đã tập hợp được các chi phí trực tiếp như nhiên liệu, khấu hao xe, bảo trì, sửa chữa, lương nhân viên... tạo cơ sở để tính giá thành dịch vụ.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

a) Về việc lập và luân chuyển chứng từ

Mặc dù đã có quy trình luân chuyển chứng từ, nhưng việc luân chuyển giữa các bộ phận đôi khi còn chậm, đặc biệt là giữa đội vận chuyển và phòng kế toán. Các biên bản nghiệm thu khối lượng, biên bản xác nhận công nợ có lúc chưa được gửi về kịp thời, ảnh hưởng đến tiến độ ghi nhận doanh thu và theo dõi công nợ.

b) Về hình thức ghi sổ kế toán

Việc sử dụng Excel để làm kế toán tuy có ưu điểm là tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu, nhưng thực tế lại tiềm ẩn rất nhiều rủi ro trong quá trình vận hành. Trước hết, về bảo mật, Excel không có cơ chế phân quyền truy cập chi tiết, dẫn đến bất kỳ ai mở được file cũng có thể xem, sửa hoặc xóa dữ liệu mà không để lại dấu vết. Về sao lưu dữ liệu, Excel phụ thuộc hoàn toàn vào ý thức của người dùng; nếu không thường xuyên sao lưu, khi xảy ra sự cố mất điện, treo máy hoặc hỏng ổ cứng, toàn bộ số liệu kế toán có thể bị mất sạch. Bên cạnh đó, việc nhập liệu thủ công cũng là nguyên nhân hàng đầu gây ra sai sót, chẳng hạn như nhầm số, nhầm tài khoản hoặc quên ghi nhận nghiệp vụ, mà các lỗi này rất khó được phát hiện kịp thời nếu không có quy trình đối chiếu chặt chẽ. Ngoài ra, Excel không có tính năng ghi nhật ký hệ thống, tức là không thể truy xuất được ai đã thay đổi dữ liệu, thay đổi khi nào và thay đổi những gì. Chính vì những hạn chế này, khả năng xảy ra sai sót hoặc gian lận mà không được phát hiện kịp thời là tương đối cao, đặc biệt khi khối lượng giao dịch ngày càng lớn và tính chất công việc kế toán ngày càng phức tạp.

c) Về việc theo dõi công nợ phải thu

Công ty chưa có hệ thống theo dõi chi tiết công nợ phải thu theo từng khách hàng một cách chặt chẽ, nguyên nhân là do:

- + Công ty sử dụng Excel thủ công để ghi sổ kế toán. Công ty không có phần mềm kế toán chuyên nghiệp với các module quản lý công nợ tích hợp. Việc theo dõi công nợ phụ thuộc hoàn toàn vào thao tác thủ công, khó cập nhật kịp thời và dễ xảy ra sai sót.
- + Công ty chưa thiết lập sổ chi tiết TK 131 – Phải thu của khách hàng. Công ty không mở sổ chi tiết theo dõi công nợ riêng cho từng khách hàng. Do đó, kế toán không thể nắm bắt được một cách nhanh chóng và chính xác tình trạng công nợ của từng đối tượng, gây khó khăn cho việc đôn đốc thu hồi nợ.

Việc này dẫn đến tình trạng khó khăn trong việc đôn đốc thu hồi nợ, tiềm ẩn rủi ro nợ xấu. Đặc biệt, đối với các hợp đồng vận chuyển dài hạn có giá trị lớn, thời gian thanh toán kéo dài, việc theo dõi công nợ càng trở nên quan trọng.

d) Về việc hạch toán lãi tiền gửi ngân hàng (doanh thu tài chính)

Mặc dù công ty có phát sinh lãi tiền gửi ngân hàng trong năm 2025, tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, nhưng trên thực tế khảo sát, công ty chưa thực hiện việc hạch toán các khoản thu nhập này một cách đầy đủ và kịp thời. Cụ thể, khi nhận được giấy báo có từ ngân hàng về lãi tiền gửi, kế toán chưa thực hiện bút toán ghi nhận doanh thu. Theo đúng nguyên tắc, bút toán phải là: Nợ TK 112 / Có TK 515. Việc bỏ sót này dẫn đến:

- + Doanh thu hoạt động tài chính (TK 515) bị thiếu, làm giảm tổng doanh thu của công ty.
- + Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế bị xác định thấp hơn thực tế, ảnh hưởng đến việc đánh giá hiệu quả kinh doanh.
- + Số dư TK 112 trên sổ sách và sao kê ngân hàng không khớp, gây khó khăn cho công tác đối chiếu.

e) Về việc ghi nhận và thuyết minh thu nhập/chi phí khác

Công ty ghi nhận không có thu nhập khác và chi phí khác trong năm 2025 (Báo cáo KQHĐKD). Điều này là chưa chính xác trên thực tế vì doanh nghiệp có thể phát sinh các khoản như: thanh lý lớp xe cũ, bán phế liệu, tiền bồi thường bảo hiểm, hoặc các khoản chi phí phạt vi phạm giao thông, bồi thường hàng hóa hư hỏng... Công ty cần rà soát lại để đảm bảo nguyên tắc trọng yếu.

f) Về việc theo dõi chi tiết giá vốn và xác định lợi nhuận gộp theo từng hoạt động

Công ty chỉ theo dõi giá vốn và lợi nhuận gộp ở cấp độ tổng thể, chưa mở sổ chi tiết riêng cho từng mảng hoạt động (dịch vụ vận tải và bán phụ tùng ô tô). Dẫn đến nhà quản lý không thể đánh giá được hiệu quả của từng lĩnh vực kinh doanh, không xác định được hoạt động nào đang mang lại lợi nhuận chính, hoạt động nào kém hiệu quả. Điều này ảnh hưởng lớn đến việc hoạch định chiến lược đầu tư, tối ưu hóa cơ cấu doanh thu và kiểm soát chi phí một cách hiệu quả.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là yêu cầu cấp thiết đối với Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng vì những lý do sau:

- Quy mô kinh doanh ngày càng mở rộng: Doanh thu tăng từ 12,9 tỷ (2023) lên 22,5 tỷ (2025), dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong giai đoạn 2026-2030. Việc quản lý bằng Excel thủ công sẽ trở nên quá tải và tiềm ẩn rủi ro.
- Yêu cầu quản trị nội bộ: Ban lãnh đạo cần các báo cáo nhanh, chính xác theo từng mảng hoạt động (vận tải, bán phụ tùng) để ra quyết định chiến lược.
- Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực kế toán: Các quy định về thuế, hóa đơn điện tử, chế độ kế toán ngày càng chặt chẽ, yêu cầu doanh nghiệp phải có hệ thống kiểm soát nội bộ mạnh mẽ hơn.
- Cạnh tranh trong ngành: Áp lực về giá và chất lượng dịch vụ đòi hỏi công ty phải tối ưu chi phí, và muốn vậy phải có công cụ phân tích chi phí hiệu quả.

3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

a) Hoàn thiện việc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Kế toán cần thực hiện một quy trình đơn giản nhưng rất quan trọng. Cụ thể, vào cuối mỗi tháng, kế toán viên phải có trách nhiệm đăng nhập vào tài khoản ngân hàng điện tử của công ty, tải về các sao kê chi tiết hoặc các giấy báo có liên quan đến lãi tiền gửi phát sinh trong tháng. Sau khi xác định chính xác số tiền lãi đã được ngân hàng ghi có, kế toán sẽ thực hiện bút toán ghi nhận doanh thu tài chính vào Sổ nhật ký chung và Sổ cái TK 515 với định khoản như sau: Nợ vào Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng (ghi nhận sự gia tăng của tiền gửi) và Có vào Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (ghi nhận khoản thu nhập phát sinh).

- Ghi nhận khoản các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 515
- Nghiệp vụ minh họa: Ngày 30/09/2025, Tài khoản ngân hàng Vietinbank của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng nhận được 122.788 đồng lãi tiền gửi ngân hàng.

+ Sổ Nhật ký chung:

Đơn vị: , Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng						
Địa chỉ:Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị						
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính:Đồng						
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
...	...	...	...	...	...	...
1/7/2025	HD1787133	1/7/2025	Chi trả tiền điện cho Tổng công ty điện lực Miền Trung	642	2.336.180	
1/7/2025	HD1787133	1/7/2025	Chi trả tiền điện cho Tổng công ty điện lực Miền Trung	1111		2.336.180
1/7/2025	HD1787133	1/7/2025	Thuế GTGT đầu vào khi nộp tiền điện cho Tổng công ty điện lực Miền Trung	133	186.894	
1/7/2025	HD1787133	1/7/2025	Thuế GTGT đầu vào khi nộp tiền điện cho Tổng công ty điện lực Miền Trung	1111		186.894
...	...	...	...	...	...	...
24/09/2025	HD210	24/09/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	131	92.592.593	
24/09/2025	HD210	24/09/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	5111		92.592.593
24/09/2025	HD210	24/09/2025	Thuế GTGT đầu ra bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	131	7.407.407	
24/09/2025	HD210	24/09/2025	Thuế GTGT đầu ra bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	3331		7.407.407
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	TGL2/09	30/09/2025	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 9 (VTB)	112	122.788	
30/09/2025	TGL2/09	30/09/2025	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 9 (VTB)	515		122.788
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	HD 285	31/12/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	131	138.888.889	
31/12/2025	HD 285	31/12/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	5111		138.888.889
31/12/2025	HD 285	31/12/2025	Thuế GTGT đầu ra bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	131	11.111.111	
31/12/2025	HD 285	31/12/2025	Thuế GTGT đầu ra bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	3331		11.111.111
31/12/2025	PXK 14	31/12/2025	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	632	126.588.889	
31/12/2025	PXK 14	31/12/2025	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	156		126.588.889
...	...	...	...		...	...
31/12/2025	KC	31/12/2025	Kết chuyển Doanh thu tài chính	515	1.327.632	
31/12/2025	KC	31/12/2025	Kết chuyển Doanh thu tài chính	911		1.327.632
			Cộng chuyển sang trang sau	x	86.525.808.043	86.525.808.043
- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...						
- Ngày mở sổ: 1/1/2025						
					Ngày ... tháng ... năm ...	

Hình ảnh 18: Minh hoạ Sổ nhật ký chung 2025 khi có thêm nghiệp vụ về doanh thu tài chính

+ Sổ cái TK 515 như sau:

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng						
Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị						
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tên tài khoản: Doanh thu tài chính						
Số hiệu : TK 515						
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm. - Số phát sinh trong tháng			
31/01/2025	TGL2/01	31/01/2025	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 1 (VTB)	112		20.447
...	...	...	...	...	...	...
25/04/2025	TGL1/04	25/04/2025	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 4 (BIDV)	112		17.829
30/04/2025	TGL2/04	30/04/2025	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 4 (VTB)	112		70.649
25/05/2025	TGL1/05	25/05/2025	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 5 (BIDV)	112		13.501
31/05/2025	TGL2/05	31/05/2025	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 5 (VTB)	112		72.640
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	TGL2/09	30/09/2025	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 9 (VTB)	112		122.788
...	...	...	...	...	...	...
25/12/2025	TGL1/12	25/12/2025	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12 (BIDV)	112		17.580
31/12/2025	TGL2/12	31/12/2025	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12 (VTB)	112		17
31/12/2025	KC	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	1.327.632	
			- Cộng Số phát sinh		1.327.632	1.327.632
, đánh số từ trang số 01 đến trang ...						
Ngày mở sổ:...						
					Ngày ... tháng ... năm ...	
Người lập biểu			Kế toán trưởng			
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Hình ảnh 19: Minh hoạ Sổ Cái TK 515 của Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

+ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 cũng sẽ thay đổi khi bổ sung thêm doanh thu tài chính

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2025 Từ ngày 01/01/2025 Đến ngày 31/12/2025

[02] Lần đầu: ☒

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

H49 - Vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải bằng đường ống

[05] Tỷ lệ (%):

80,00

[06] Tên người nộp thuế:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUANG

[07] Mã số thuế:

3101094049

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	1.782.735.621
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	1.782.735.621
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	1.782.735.621
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	1.782.735.621
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	1.782.735.621
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9 =(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	356.547.124
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	205.014.596
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	53.482.069
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	151.532.528
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	151.532.528

D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ và Lỗ từ hoạt động SXKD được bù trừ với lãi từ chuyển nhượng BĐS	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	151.532.528
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	151.532.528
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (I1=E1+E5-G1-G2)	I1	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS (I2=E2-G3-G4-G5)	I2	0

Hình ảnh 20: Minh họa tờ khai thuế TNDN năm 2025 khi bổ sung thêm doanh thu tài chính

- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cũng sẽ thay đổi khi bổ sung thêm doanh thu tài chính:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)
 Năm 2025

Người nộp thuế: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUANG**
 Mã số thuế: **3101094049**
 Tên đại lý thuế (nếu có):
 Mã số thuế:

☐ Hỗ trợ lấy dữ liệu năm trước
☐ Tích chọn để nhập cột Thuyết minh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		22.633.790.428	21.357.747.755
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		22.633.790.428	21.357.747.755
4. Giá vốn hàng bán	11		19.690.840.859	20.163.586.362
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.942.949.569	1.194.161.393
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.327.632	0
7. Chi phí tài chính	22		438.453.447	343.702.631
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		438.453.447	343.702.631
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		723.088.133	723.484.107
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		1.782.735.621	126.974.655
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.782.735.621	126.974.655
14. Chi phí thuế TNDN	51		151.532.528	12.697.466
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		1.631.203.093	114.277.189

Hình ảnh 21: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi bổ sung thêm mục” Doanh thu tài chính”

b) Hoàn thiện việc theo dõi chi tiết giá vốn và xác định lợi nhuận gộp theo từng hoạt động

Công ty cần chủ động mở sổ chi tiết cho tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán, phân tách rõ ràng giữa hai mảng hoạt động cốt lõi là cung cấp dịch vụ vận tải và bán phụ tùng ô tô. Cụ thể, kế toán nên thiết lập hai sổ chi tiết riêng biệt: một sổ theo dõi giá vốn cho hoạt động vận tải (TK 632 – Dịch vụ vận chuyển) và một sổ theo dõi giá vốn cho hoạt động bán phụ tùng (TK 632 – hàng hoá). Mỗi sổ chi tiết cần được cập nhật thường xuyên, đầy đủ các thông tin về ngày phát sinh, chứng từ liên quan, nội dung chi phí và số tiền tương ứng với từng hợp đồng, từng chuyến hàng hoặc từng đơn hàng bán lốp xe.

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị					(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 632-Giá vốn kinh doanh hàng hoá								
<i>Loại tiền: VND</i>								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
26/07/2025	HD 201	26/07/2025	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH Xây dựng và tổng hợp Bình An		35.618.026			
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KC1	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn kinh doanh hàng hoá	911		852.500.000		
			- Cộng số phát sinh	x	852.500.000	852.500.000	x	x
- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ... - Ngày mở sổ: ...								
Người lập biểu (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày ... tháng ... năm ... Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)			

Hình ảnh 22: Mẫu sổ chi tiết theo dõi giá vốn của lĩnh vực kinh doanh hàng hoá

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị					(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm: 2025								
Tài khoản: 632-Giá vốn dịch vụ vận chuyển hàng hoá								
<i>Loại tiền: VND</i>								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ					
31/01/2025	KCV01/01	31/01/2025	Kết chuyển giá vốn dịch vụ vận chuyển tháng 1	154	1.298.653.525			
29/02/2025	KCV01/02	29/02/2025	Kết chuyển giá vốn dịch vụ vận chuyển tháng 2	154	1.069.256.301			
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KCV01/12	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn dịch vụ vận chuyển tháng 12	154	2.054.892.537			
31/12/2025	KC	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn dịch vụ vận chuyển hàng hoá	911		18.838.340.859		
			- Cộng số phát sinh	x	18.838.340.859	18.838.340.859	x	x
- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ... - Ngày mở sổ: ...								
Người lập biểu (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày ... tháng ... năm ... Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)			

Hình ảnh 23: Mẫu sổ chi tiết theo dõi giá vốn của lĩnh vực dịch vụ vận chuyển hàng hoá

Cuối mỗi tháng, kế toán sẽ tiến hành kết chuyển số liệu từ các sổ chi tiết này để xác định lợi nhuận gộp cho từng mảng hoạt động theo công thức:

Lợi nhuận gộp lĩnh vực dịch vụ vận chuyển = Doanh thu vận chuyển – Giá vốn lĩnh vực vận chuyển.

Lợi nhuận gộp lĩnh vực kinh doanh hàng hoá = Doanh thu bán hàng hoá – Giá vốn kinh doanh hàng hoá

➤ Trong năm 2025:

Lợi nhuận gộp DVVC = 21.632.159.186 – 18.838.340.859 = 2.793.818.372 VNĐ

Lợi nhuận gộp KDHH = 1.001.631.242 – 852.500.000 = 149.131.242 VNĐ

Lĩnh vực vận tải đóng vai trò chủ đạo trong việc tạo ra lợi nhuận cho Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng năm 2025, với lợi nhuận gộp đạt 2.793.818.372 VNĐ, chiếm tỷ trọng áp đảo trong tổng lợi nhuận gộp của toàn công ty.

Trong khi đó, hoạt động kinh doanh hàng hóa chỉ mang lại lợi nhuận gộp 149.131.242 VNĐ, thấp hơn rất nhiều so với hoạt động vận tải, phản ánh đây chỉ là hoạt động hỗ trợ, chưa thực sự hiệu quả.

Lĩnh vực vận tải là mảng kinh doanh cốt lõi, quyết định chính đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Công ty cần tiếp tục duy trì và phát triển mảng này, đồng thời có chiến lược cải thiện hiệu quả của mảng kinh doanh hàng hóa để đa dạng hóa nguồn thu và phân tán rủi ro.

c) Hoàn thiện việc ghi nhận và thuyết minh thu nhập khác, chi phí khác

Việc bỏ qua hoặc ghi nhận không đầy đủ các khoản thu nhập khác và chi phí khác đã vi phạm nguyên tắc trọng yếu trong kế toán, đồng thời làm sai lệch lợi nhuận thuần của công ty. Do đó, công ty cần thực hiện rà soát lại tất cả các nghiệp vụ phát sinh trong năm 2025 liên quan đến các khoản thu chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

- Những khoản mà Công ty cần ghi nhận vào thu nhập khác bao gồm:

- + Thanh lý xe tải cũ, phụ tùng thay thế không dùng đến
- + Thu tiền phạt từ khách hàng hủy chuyến đột xuất hoặc trả hàng chậm theo hợp đồng
- + Thu bồi thường bảo hiểm khi xe gặp tai nạn (phần vượt quá giá trị còn lại của xe)
- + Bán phế liệu: lốp xe hỏng, dầu nhớt thải, ắc quy cũ, phụ tùng không thể sửa chữa

- + Khách hàng hoặc bên thứ ba bồi thường hàng hóa hư hỏng do lỗi của họ
- + Tiền phạt thu từ nhà cung cấp (giao nhiên liệu chậm, giao thiếu hàng)
- + Các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ nay thu hồi được
- Những khoản mà Công ty cần ghi nhận vào chi phí khác:
 - + Giá trị còn lại của xe tải khi thanh lý hoặc xe bị phá dỡ do tai nạn
 - + Tiền phạt do công ty giao hàng chậm theo hợp đồng vận tải
 - + Tiền phạt vi phạm hành chính: quá tải, sai làn đường, vi phạm tốc độ, chậm nộp thuế, chậm nộp bảo hiểm xã hội
 - + Chi phí liên quan đến thanh lý xe: vận chuyển xe đi phá dỡ, giám định, xóa đăng ký
 - + Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do xe gây tai nạn (phần bảo hiểm không chi trả)
 - + Chênh lệch lỗ do đánh giá lại tài sản (xe) khi góp vốn vào đơn vị khác
 - + Tiền phạt do hủy hóa đơn điện tử hoặc sai sót khi lập hóa đơn

Khi phát sinh bất kỳ giao dịch nào thuộc phạm vi thu nhập khác hoặc chi phí khác, kế toán cần thu thập đầy đủ chứng từ hợp lệ (biên bản thanh lý, hợp đồng bồi thường, biên bản xử phạt...) và thực hiện bút toán ghi nhận kịp thời. Cụ thể, đối với thu nhập khác, ghi Nợ các tài khoản 111, 112, 131 và Có 711; đối với chi phí khác, ghi Nợ 811 và Có các tài khoản 111, 112, 331, 333... Việc ghi nhận đầy đủ các khoản mục này sẽ đảm bảo kết quả kinh doanh được phản ánh một cách trung thực và hợp lý.

d) Hoàn thiện quản lý và theo dõi công nợ phải thu

Công ty cần xây dựng ngay một sổ chi tiết công nợ phải thu trên Excel, được cập nhật hàng ngày và đối chiếu với khách hàng định kỳ cuối mỗi tháng. Sổ chi tiết này cần đảm bảo theo dõi được đầy đủ các thông tin như tên khách hàng, số hóa đơn, ngày xuất hóa đơn, ngày đến hạn thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng, tổng giá trị thanh toán (đã bao gồm thuế GTGT), số tiền đã thu được đến thời điểm hiện tại, số tiền còn phải thu và các ghi chú quan trọng kèm theo. Một mẫu sổ chi tiết công nợ phải thu có thể được thiết kế như sau:

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng								
Địa chỉ: KP5, phường Ba Đồn, Tx Ba Đồn, Quảng Bình								
SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN CÔNG NỢ								
Từ ngày 01/01/2025 Đến ngày 31/12/2025								
Tài khoản: 131 (Phải thu của khách hàng)								
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 879								
20 đường Bảo Quốc, phường Thuận Hóa, thành phố Huế, Việt Nam								
								Đơn vị tính: Đồng
TT	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
1	260	13/12/2025	Doanh thu vận chuyển	5113;3331	14.000.000			
2	TG08/12	15/12/2025	thanh toán tiền vận chuyển	112		14.000.000		
3	270	24/12/2025	Doanh thu vận chuyển	5113;3331	15.000.000			
4	271	24/12/2028	Doanh thu vận chuyển	5113;3331	10.800.000			
5	TG16/12	25/12/2025	thanh toán tiền vận chuyển	112		10.800.000		
6	TG22/12	31/12/2025	thanh toán tiền vận chuyển	112		15.000.000		
			Cộng phát sinh		39.800.000	39.800.000		
			Số dư cuối kỳ				0	
Ngày mở sổ: 01/01/2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		

Hình ảnh 24: Mẫu sổ theo dõi chi tiết công nợ phải thu khách hàng Công ty Cổ phần Công trình 879

e) Về thời gian luân chuyển chứng từ

Công ty cần ban hành quy định nội bộ về thời gian luân chuyển chứng từ một cách rõ ràng và bắt buộc. Cụ thể, sau khi hoàn thành việc nghiệm thu khối lượng vận chuyển hoặc bàn giao hàng hóa cho khách hàng, trong vòng 24 giờ, đội vận chuyển hoặc bộ phận kinh doanh phải có trách nhiệm gửi ngay biên bản nghiệm thu (đã có chữ ký xác nhận của hai bên) về phòng kế toán. Việc gửi này có thể thực hiện qua email công ty hoặc qua nhóm chat nội bộ trên các nền tảng như Zalo, có lưu trữ lịch sử để làm bằng chứng.

Kế toán viên phải có trách nhiệm xuất hóa đơn GTGT ngay trong ngày nhận được biên bản nghiệm thu hợp lệ, không được để dồn các hóa đơn vào cuối tháng hoặc cuối quý. Việc xuất hóa đơn kịp thời không chỉ đảm bảo doanh thu được ghi nhận đúng kỳ mà còn giúp khách hàng sớm có căn cứ để thanh toán, từ đó rút ngắn vòng quay công nợ.

f) Nâng cao hiệu quả sử dụng Excel và định hướng chuyển đổi sang phần mềm kế toán chuyên nghiệp

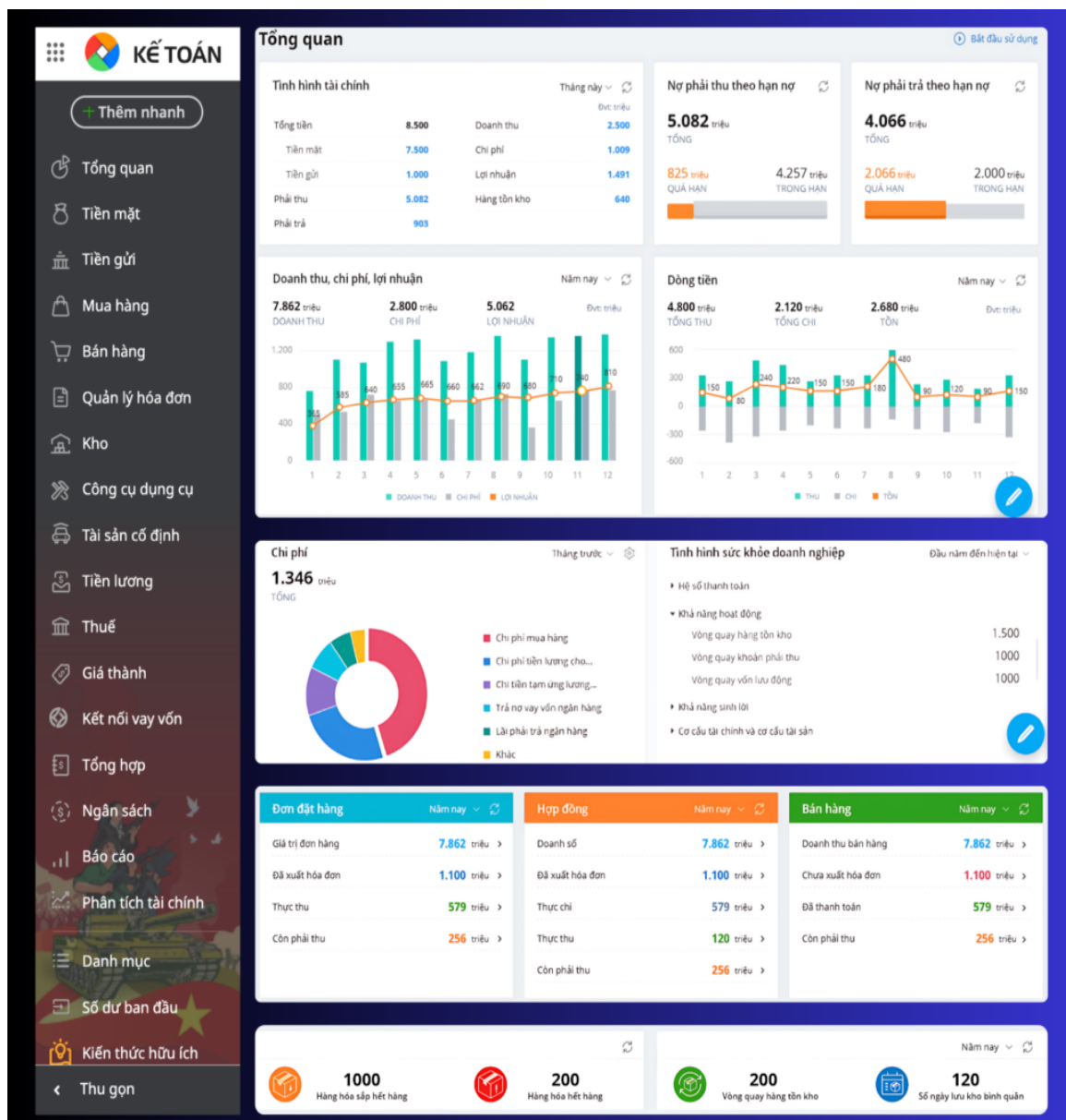
Với quy mô doanh thu hơn 22 tỷ đồng mỗi năm và dự kiến tiếp tục tăng trưởng, công ty nên có kế hoạch đầu tư vào phần mềm kế toán chuyên nghiệp như Misa, Fast Accounting, Bravo, Easybooks... trong giai đoạn 2026 - 2027. Các phần mềm này không chỉ tự động hóa hầu hết các công đoạn từ nhập chứng từ, ghi sổ, tổng hợp số liệu đến lập báo cáo tài chính, mà còn tích hợp các tính năng kiểm soát nội bộ, phân quyền truy cập, ghi nhật ký hệ thống, giảm thiểu rủi ro sai sót và gian lận. Chi phí đầu tư cho phần mềm kế toán là hoàn toàn phù hợp với tình hình tài chính hiện tại của công ty, đặc biệt khi lợi nhuận sau thuế năm 2025 đã đạt hơn 1,63 tỷ đồng.

Doanh nghiệp có thể cân nhắc đến 2 phần mềm kế toán đó là: phần mềm MISA AMIS và Phần mềm kế toán EasyBooks.

- Phần mềm kế toán MISA AMIS có chi phí sử dụng khoảng 3 đến 9 triệu đồng/năm, điều kiện sử dụng là phải cài đặt trên máy tính tại văn phòng, có kết nối Internet định kỳ để đồng bộ dữ liệu với cơ quan thuế và ngân hàng.

+ Ưu điểm: phần mềm tuân thủ đúng Thông tư 133, giúp kế toán an tâm khi lập báo cáo tài chính và kê khai thuế GTGT, TNDN, không bị sai sót về mặt pháp lý; kết nối trực tiếp với ngân hàng điện tử, tự động đối chiếu số dư và sao kê, giảm tải công việc nhập liệu thủ công từng biên lai; báo cáo công nợ phải thu chi tiết theo từng khách hàng được lập nhanh, có khả năng xuất sổ cái tài khoản 131 rõ ràng, phục vụ tốt cho công tác đối chiếu cuối kỳ.

+ Nhược điểm: chi phí khá cao so với quy mô doanh nghiệp, đặc biệt công ty cần mua thêm bản quyền cho nhiều người dùng cùng lúc; quy trình cập nhật phiên bản theo thông tư mới đôi khi phát sinh lỗi kỹ thuật, kế toán phải mất thời gian liên hệ hỗ trợ và kiểm tra lại số dư các tài khoản; khả năng làm việc online qua trình duyệt bị hạn chế, kế toán không thể truy cập phần mềm từ xa nếu không có máy tính đã cài đặt sẵn.



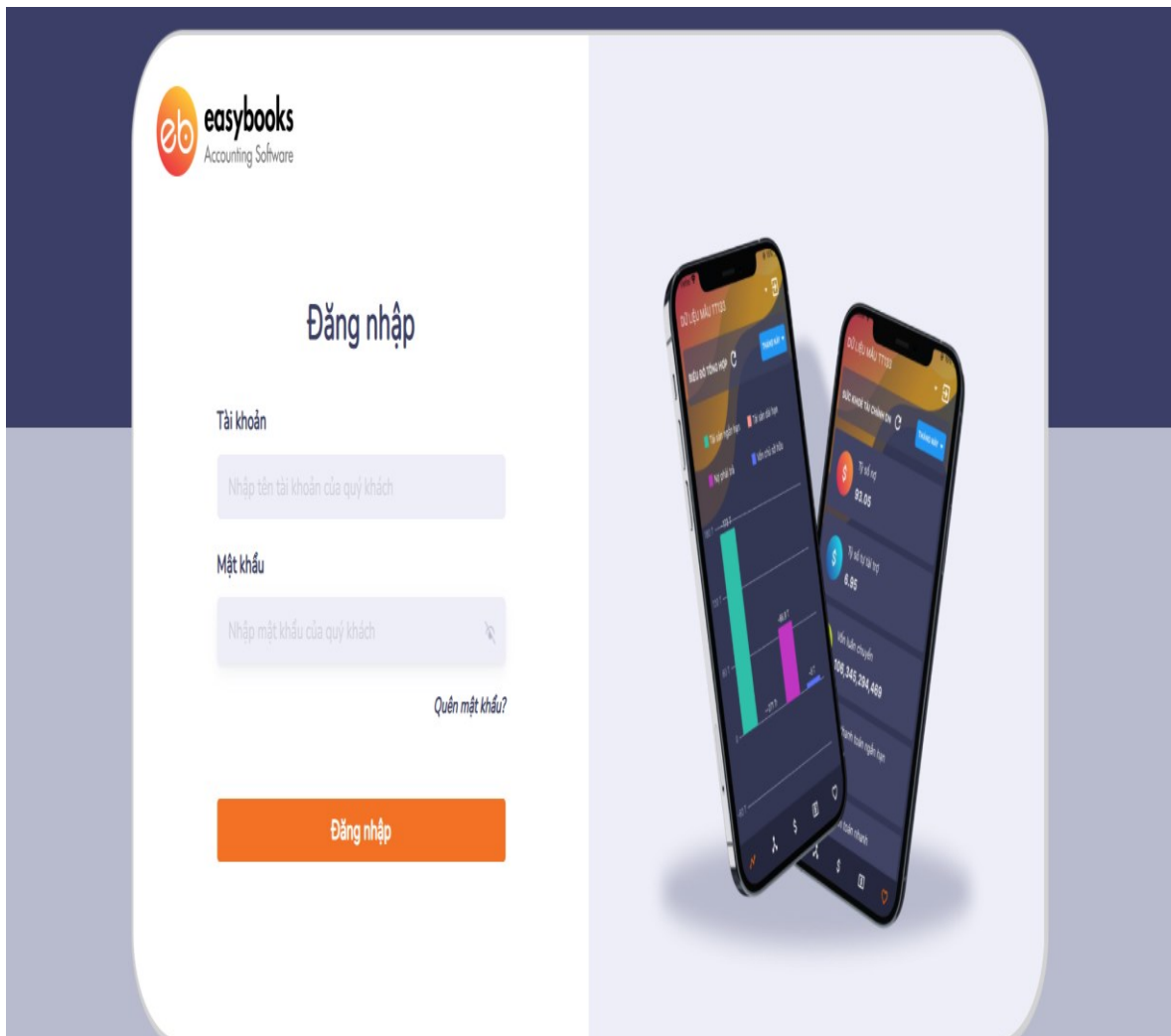
Hình ảnh 25: Giao diện phần mềm kế toán MISA AMIS

- Phần mềm kế toán EasyBooks có chi phí chỉ khoảng 125.000 đồng/tháng (1,5 triệu đồng/năm), điều kiện sử dụng rất đơn giản: chỉ cần tài khoản đăng nhập và thiết bị có trình duyệt web, không cần cài đặt phần mềm, kế toán có thể làm việc tại văn phòng hoặc từ xa.

+ Ưu điểm: phần mềm tự động nhập liệu từ hóa đơn điện tử và sao kê ngân hàng, giúp kế toán tiết kiệm đáng kể thời gian nhập chứng từ so với thủ công trên Excel; giải quyết triệt để bài toán theo dõi công nợ phải thu – tự động cảnh báo các khoản quá hạn theo từng khách hàng, đây là nhược điểm lớn nhất mà kế toán công ty hiện đang gặp phải khi làm thủ công; kế toán có thể lập và phát hành hóa đơn điện tử trực

tiếp, kết nối tự động với cơ quan thuế, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật về hóa đơn chứng từ.

+ Nhược điểm : nếu mất Internet, kế toán không thể truy cập hay thao tác trên phần mềm, dẫn đến gián đoạn công việc đối chiếu hay nhập chứng từ phát sinh đột xuất; sổ sách chi tiết như sổ cái, sổ nhật ký chung ở một số phiên bản bị giới hạn độ sâu, gây khó khăn khi kế toán trưởng cần rà soát bút toán điều chỉnh phức tạp; lịch sử kiểm tra (audit trail) không rõ ràng bằng MISA, gây bất lợi khi có thanh tra thuế yêu cầu truy xuất ai đã sửa chứng từ và thời điểm sửa.



Hình ảnh 26: Giao diện đăng nhập của phần mềm kế toán Easybooks

KẾT LUẬN

Doanh thu và chi phí luôn là hai yếu tố cốt lõi quyết định sự sống còn của mỗi doanh nghiệp. Khi doanh thu được ghi nhận đúng lúc và chi phí được kiểm soát chặt chẽ, kết quả kinh doanh sẽ phản ánh trung thực bức tranh tài chính, từ đó giúp nhà quản lý đưa ra những quyết định chiến lược kịp thời và chính xác. Chính vì vậy, tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ đáp ứng yêu cầu tuân thủ pháp luật mà còn là công cụ quản trị đắc lực trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Quá trình nghiên cứu thực tế tại Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng cho thấy, công ty đã xây dựng được bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ và phù hợp với quy mô doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hệ thống chứng từ được lưu trữ có tổ chức, doanh thu được ghi nhận đúng nguyên tắc theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, và các chi phí phát sinh cơ bản được tập hợp đầy đủ. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đó, công ty vẫn còn một số hạn chế đáng lưu ý. Quy trình luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận đôi khi còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ ghi nhận doanh thu. Việc theo dõi công nợ phải thu chưa được thực hiện một cách bài bản, tiềm ẩn rủi ro nợ xấu. Một số khoản doanh thu tài chính như lãi tiền gửi ngân hàng còn bị bỏ sót, chưa được hạch toán kịp thời. Hình thức ghi sổ bằng Excel tuy tiết kiệm chi phí nhưng lại tiềm ẩn nhiều rủi ro về bảo mật, sai sót và thiếu các tính năng kiểm soát nội bộ. Đặc biệt, công ty mới chỉ theo dõi giá vốn và lợi nhuận gộp ở cấp độ tổng thể, chưa tách bạch giữa hai mảng hoạt động chính là dịch vụ vận tải và kinh doanh phụ tùng ô tô, dẫn đến khó khăn trong việc đánh giá hiệu quả thực sự của từng lĩnh vực.

Từ phân tích thực tế, khóa luận đề xuất các giải pháp: cải thiện luân chuyển chứng từ, theo dõi chi tiết công nợ, ghi nhận đầy đủ doanh thu tài chính, chuyển đổi sang phần mềm kế toán chuyên nghiệp. Đặc biệt, cần mở sổ chi tiết TK 632 riêng cho từng mảng hoạt động để xác định lợi nhuận gộp riêng biệt, giúp ban lãnh đạo đánh giá đúng hiệu quả và hoạch định chiến lược phù hợp.

Những giải pháp đưa ra đều có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của công ty và không đòi hỏi chi phí đầu tư quá lớn. Hy vọng rằng, với những đề xuất này, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Quảng sẽ ngày càng được hoàn thiện, góp phần nâng cao chất lượng thông tin tài chính và hiệu quả quản trị doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Văn bản pháp luật, chuẩn mực, thông tư:

- Bộ Tài chính (2005), Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác (ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 và Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005).
- Bộ Tài chính (2005), Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 – Thuế thu nhập doanh nghiệp (ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005).
- Bộ Tài chính (2016), Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Luật số 67/2025/QH15 của Quốc hội: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

B. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo:

- Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2020), Giáo trình Kế toán tài chính, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Giáo trình giảng dạy Kế toán tài chính doanh nghiệp:1,2,3,4 tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.

C. Trang thông tin điện tử, bài viết chuyên ngành:

- Tin tức kế toán (2024), Hệ thống sổ sách kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, truy cập tại: <https://tintucketoan.com>.
- Trang thông tin tổng hợp – Thư viện pháp luật: <https://thuvienphapluat.vn/>
- MISA (2024), Thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp nhỏ và vừa, truy cập tại: <https://sme.misa.vn>.

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, Nguyễn Thị Thanh Thuý, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☒ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:** Chat GPT
- Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):
Tóm tắt lại các nội dung quá dài. Tìm ra lỗi soạn thảo.

- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

Chương 3

- Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

- ☒ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: Thanh Thuý

Ngày: 31/05/2026

PHỤ LỤC

➤ Phụ lục 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN

Số: 10.10/2025/HĐVC/NP8386-HQ

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 10 tháng 10 năm 2025, tại Văn phòng Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hà Quảng, chúng tôi gồm:

BÊN THUÊ VẬN CHUYỂN (gọi tắt là Bên A):

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG NAM PHÁT 8386**
Địa chỉ : Thôn Tân Cảnh, xã Hoà Trạch, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
Mã số thuế : 3101134982 Email: namphat8386.kt@gmail.com
Tài khoản số : 8680049417 tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV) Chi Nhánh Bắc Quảng Bình.
Do ông : **NGUYỄN TRUNG NAM** Chức vụ : **Giám đốc**
Điện thoại : 0911117771



BÊN VẬN CHUYỂN (gọi tắt là Bên B):

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUẢNG**
Địa chỉ : Khu phố 5, phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
Mã số thuế : 3101094049 Email: haquang.hd589@gmail.com
Tài khoản số : 5321026468 tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV) Chi Nhánh Bắc Quảng Bình.
Do ông : **NGUYỄN ANH TÚ** Chức vụ : **Giám đốc**
Điện thoại : 0918019609

Sau khi thoả thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển đá với các điều khoản sau:

Điều 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC:

Bên A đồng ý thuê bên B và bên B đồng ý nhận vận chuyển, Cả hai bên đồng ý thực hiện vận chuyển theo các điều khoản và điều kiện trong Hợp đồng này:

- Hàng hóa vận chuyển: theo yêu cầu của Bên A
- Khối lượng: theo khối lượng thực tế vận chuyển (có hóa đơn hoặc phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hóa, phiếu cân đính kèm).
- Đơn giá vận chuyển tùy thuộc vào từng thời điểm và cung đường vận chuyển.
- Tiền vé phụ phí cầu đường do bên B chi trả (nếu có).
- Địa điểm lấy hàng: Do bên A chỉ định
- Địa điểm giao hàng: Do bên A chỉ định

Điều 2: NĂNG SUẤT VẬN CHUYỂN VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO, NHẬN.

+ Năng suất vận chuyển:

- Bên B phải đảm bảo bố trí phương tiện vận tải là xe đầu kéo ben, đáp ứng theo nhu cầu của bên A và tiến độ giao nhận hàng của bên A. Lập danh sách thể hiện Đặc điểm xe BKS, tài xế... đăng ký bên A trước khi vận chuyển.

- Xe vận chuyển phải đảm bảo đủ điều kiện lưu hành, đảm bảo an toàn giao thông và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

+ Phương thức giao - nhận:

- Xác nhận khối lượng qua Trạm cân điện tử và Trạm cân điện tử của Khách hàng (nếu khách hàng cần đối chứng hao hụt trong quá trình vận chuyển). Trường hợp đối chứng, thì sẽ lấy kết quả sau đối chứng để làm căn cứ nghiệm thu vận chuyển.

- Ngay khi xe vận chuyển giao nhận hàng với Khách hàng, sẽ chụp ảnh các chứng từ gửi về Bên A và gửi bản gốc cho bên A trong vòng 24 giờ. Nếu xe vận chuyển nhận hàng tại Mỏ, không giao bản gốc phiếu giao nhận thì sẽ bị phạt gấp 03 lần giá trị tiền hàng.

Điều 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc cân trừ công nợ.

- Thời hạn thanh toán: Sau mỗi đợt, hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng vận chuyển, ký biên bản nghiệm thu. Bên B xuất hoá đơn GTGT cho bên A, sau 10 -15 ngày Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị khối lượng vận chuyển cho Bên B.

Hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm (02 bộ):

- * Hóa đơn GTGT
- * Biên bản Xác nhận khối lượng vận chuyển .
- * Giấy đề nghị thanh toán.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN:

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- Bên A có trách nhiệm báo trước kế hoạch vận chuyển cho Bên B qua điện thoại trước 01 ngày.
- Bên A chịu trách nhiệm bố trí thiết bị bốc xúc đảm bảo nhanh chóng.
- Hỗ trợ, điều hành, hướng dẫn lái xe bên B làm việc theo yêu cầu của bên A.

- Bên A không chịu trách nhiệm về an toàn của người và phương tiện của Bên B trong quá trình vận chuyển.
- Thanh toán cước vận chuyển cho Bên B đầy đủ và đúng hạn.
- Bên A có quyền bổ sung đơn vị khác vận chuyển nếu xét thấy Bên B không đáp ứng được phương tiện theo cam kết.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

- Bên B cam kết huy động phương tiện vận chuyển, tổ chức vận chuyển đảm bảo an toàn.
- Đảm bảo xe sử dụng tốt trong suốt quá trình vận chuyển.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm với người và tài sản của mình khi tham gia vận chuyển.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc cần điều chỉnh thì phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng bàn bạc giải quyết.

- Hai bên cam kết thi hành đúng các điều khoản của hợp đồng, không bên nào tự ý đơn phương sửa đổi, đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng. Mọi sự vi phạm phải được xử lý theo pháp luật. Trong trường hợp có tranh chấp xảy ra hai bên cùng bàn bạc, giải quyết trên tinh thần thương lượng. Nếu hai bên không thương lượng được thì một trong hai bên sẽ đưa ra toà án có thẩm quyền tỉnh Quảng Trị để giải quyết. Phán quyết của toà án là điều khoản bắt buộc hai bên phải thực hiện, án phí và các chi phí liên quan do bên thua chịu.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và đến khi hai bên hoàn thành trách nhiệm cho nhau thì hợp đồng này sẽ tự động được thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Trung Nam

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tú

➤ Phụ lục 2

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUẢNG
Khu phố 5, phường Ba Đồn, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Số: .../BBNTKL/HQ -NP8386

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ vào hợp đồng số: 10.10/2025/HDVC/NPC8386-HQ đã ký ngày 10 tháng 10 năm 2025 giữa Công ty TNHH Vận tải và xây dựng Nam Phát 8386 với Công ty TNHH dịch vụ vận tải Hà Quảng V/v vận chuyển đá;

Hôm nay, ngày 8 tháng 12 năm 2025, tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Hà Quảng, chúng tôi gồm:

I. BÊN A: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ QUẢNG

Đại diện: Ông Nguyễn Anh Tú

Chức vụ: Giám đốc

MST: 3101094049

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Ba Đồn, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Số tài khoản: 5321026468 tại ngân hàng BIDV Bắc Quảng Bình

II. BÊN B: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG NAM PHÁT 8386

Đại diện: Ông Nguyễn Trung Nam

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Thôn Tân Cảnh, xã Hòa Trạch, tỉnh Quảng Trị

Mã số thuế: 3101134982

Hai bên cùng nhau đối chiếu khối lượng vận chuyển đá từ Mỏ Mai Thanh đến Cảng Hòn La như sau:

TT	Ngày tháng	Biển số xe	Nơi đi	Nơi đến	Loại hàng	Đơn vị tính	Khối lượng hàng	Ghi chú
1	14/11/2025	73G-01272	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	50,72	
2	18/11/2025	73G-01272	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	49,53	
3	18/11/2025	73H-03008	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	51,87	
4	20/11/2025	73G-01272	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	49,96	
5	20/11/2025	73H-00972	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	48,48	
6	20/11/2025	73H-03008	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	50,36	
7	20/11/2025	73H-03008	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	53,55	
8	22/11/2025	73G-01272	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	50,13	
9	22/11/2025	73H-03008	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	51,58	
10	24/11/2025	73H-01190	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	54,03	
11	24/11/2025	73H-03008	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	49,68	

	25/11/2025	73H-03008	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	51,69	
13	25/11/2025	73G-01272	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	51,11	
14	25/11/2025	73H-00972	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	49,92	
15	26/11/2025	73G-01272	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	49,90	
16	26/11/2025	73H-03008	Tuyên Phú, QT	Cảng Hòn La	Đá 40-90mm	Tấn	51,61	
TỔNG CỘNG							814,12	

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ
VẬN TẢI HÀ QUẢNG



GIAM ĐỐC
Nguyễn Anh Tú

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ
XÂY DỰNG NAM PHÁT 8386



Nguyễn Trung Nam

TY
H
N TÁ
NG
ANG B

➤ **Phụ lục 3: Sổ nhật ký chung năm 2025**

Đơn vị: , Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị						
SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2025 <i>Đơn vị tính: Đồng</i>						
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
...	...	...	...	...	...	...
1/7/2025	HD1787133	1/7/2025	Chi trả tiền điện cho Tổng công ty điện lực Miền Trung	642	2.336.180	
1/7/2025	HD1787133	1/7/2025	Chi trả tiền điện cho Tổng công ty điện lực Miền Trung	1111		2.336.180
1/7/2025	HD1787133	1/7/2025	Thuế GTGT đầu vào khi nộp tiền điện cho Tổng công ty điện lực Miền Trung	133	186.894	
1/7/2025	HD1787133	1/7/2025	Thuế GTGT đầu vào khi nộp tiền điện cho Tổng công ty điện lực Miền Trung	1111		186.894
...	...	...	...	...	...	...
24/09/2025	HĐ210	24/09/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	131	92.592.593	
24/09/2025	HĐ210	24/09/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	5111		92.592.593
24/09/2025	HĐ210	24/09/2025	Thuế GTGT đầu ra bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	131	7.407.407	
24/09/2025	HĐ210	24/09/2025	Thuế GTGT đầu ra bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	3331		7.407.407
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	TGL2/09	30/09/2025	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 9 (VTB)	112	122.788	
30/09/2025	TGL2/09	30/09/2025	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 9 (VTB)	515		122.788
...	...	...	...	...	...	...
19/10/2025	PT16	19/10/2025	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	1111	30.000.000	
19/10/2025	PT16	19/10/2025	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	1121		30.000.000
...	...	...	...	...	...	...
08/12/2025	HĐ 257	08/12/2025	Doanh thu vận chuyển cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	131	45.228.889	
08/12/2025	HĐ 257	08/12/2025	Doanh thu vận chuyển cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	5113		45.228.889
08/12/2025	HĐ 257	08/12/2025	Thuế GTGT đầu ra khi cung cấp dịch vụ vận chuyển cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	131	3.618.311	
08/12/2025	HĐ 257	08/12/2025	Thuế GTGT đầu ra khi cung cấp dịch vụ vận chuyển cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	3331		3.618.311

...	...	...	...	...	...	...
10/12/2025	TĐ012	10/12/2025	Chi tiền mặt trả tiền điện tháng 12	6422	1.109.504	
10/12/2025	TĐ012	10/12/2025	Chi tiền mặt trả tiền điện tháng 12	1111		1.109.504
10/12/2025	TĐ012	10/12/2025	Thuế GTGT đầu vào khi trả tiền điện tháng 12	133	88.760	
10/12/2025	TĐ012	10/12/2025	Thuế GTGT đầu vào khi trả tiền điện tháng 12	1111		88.760
...	...	...	...	...	...	...
19/12/2025	CGG01/012	19/12/2025	Trả gốc vay xe 73F01264, 73H01169 (NH BIDV	341	15.001.310	
19/12/2025	CGG01/012	19/12/2025	Trả gốc vay xe 73F01264, 73H01169 (NH BIDV	112		15.001.310
19/12/2025	CGL01/012	19/12/2025	Trả lãi vay xe 73F01264, 73H01169 (NH BIDV)	635	11.298.690	
19/12/2025	CGL01/012	19/12/2025	Trả lãi vay xe 73F01264, 73H01169 (NH BIDV)	1121		11.298.690
...	...	...	...	...	...	...
20/12/2025	HĐ00000316	20/12/2025	Cước vận chuyển đá vôi trả cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Đại Việt Pháp	154	19.817.200	
20/12/2025	HĐ00000316	20/12/2025	Cước vận chuyển đá vôi trả cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Đại Việt Pháp	1121		19.817.200
20/12/2025	HĐ00000316	20/12/2025	Thuế GTGT đầu vào khi thanh toán Cước vận chuyển đá vôi trả cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Đại Việt Pháp	133	1.585.376	
20/12/2025	HĐ00000316	20/12/2025	Thuế GTGT đầu vào khi thanh toán Cước vận chuyển đá vôi trả cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Đại Việt Pháp	1121		1.585.376
...	...	...	...	...	...	...
22/12/2025	HĐ60	22/12/2025	Trả tiền cước vận chuyển đá vôi cho Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Liên Hoàn	331	8.201.952	
22/12/2025	HĐ60	22/12/2025	Trả tiền cước vận chuyển đá vôi cho Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Liên Hoàn	1121		8.201.952
...	...	...	...	...	...	...
29/12/2025	HĐ 282	29/12/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	131	10.370.370	
29/12/2025	HĐ 282	29/12/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8387	5111		10.370.370
29/12/2025	HĐ 282	29/12/2025	Thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hoá cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	131	829.630	
29/12/2025	HĐ 282	29/12/2025	Thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hoá cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8387	3331		829.630
29/12/2025	PXK 10	29/12/2025	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	632	9.770.370	
29/12/2025	PXK 10	29/12/2025	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	156		9.770.370
...	...	...	...	...	...	...

31/12/2025	HD 285	31/12/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	131	138.888.889	
31/12/2025	HD 285	31/12/2025	Doanh thu bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	5111		138.888.889
31/12/2025	HD 285	31/12/2025	Thuế GTGT đầu ra bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	131	11.111.111	
31/12/2025	HD 285	31/12/2025	Thuế GTGT đầu ra bán hàng hoá cho Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Bình An.	3331		11.111.111
31/12/2025	PXK 14	31/12/2025	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	632	126.588.889	
31/12/2025	PXK 14	31/12/2025	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Nam Phát 8386	156		126.588.889
...	...	...	...		...	...
31/12/2025	KC07/002	31/12/2025	Kết chuyển chi phí kinh doanh dở dang	632	18.838.340.859	
31/12/2025	KC07/002	31/12/2025	Kết chuyển chi phí kinh doanh dở dang	154		18.838.340.859
31/12/2025	TNDN2025	31/12/2025	Thuế TNDN năm 2025	821	151.419.679	
31/12/2025	TNDN2025	31/12/2025	Thuế TNDN năm 2025	3334		151.419.679
...	...	...	...		...	...
31/12/2025	PKT01	31/12/2025	Kết chuyển Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	22.633.790.428	
31/12/2025	PKT01	31/12/2025	Kết chuyển Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911		22.633.790.428
31/12/2025	PKT02	31/12/2025	Kết chuyển Giá vốn hàng bán	911	19.690.840.859	
31/12/2025	PKT02	31/12/2025	Kết chuyển Giá vốn hàng bán	632		19.690.840.859
31/12/2025	PKT03	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí tài chính	911	438.453.447	
31/12/2025	PKT03	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí tài chính	635		438.453.447
31/12/2025	PKT04	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí quản lý kinh doanh	911	723.088.133	
31/12/2025	PKT04	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí quản lý kinh doanh	642		723.088.133
31/12/2025	PKT05	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí thuế TNDN	911	151.419.679	
31/12/2025	PKT05	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí thuế TNDN	821		151.419.679
31/12/2025	PKT06	31/12/2025	Kết chuyển Lợi nhuận sau thuế	911	1.629.988.310	
31/12/2025	PKT06	31/12/2025	Kết chuyển Lợi nhuận sau thuế	421		1.629.988.310
			Cộng chuyển sang trang sau	x	86.523.152.779	86.523.152.779
- Số này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ... - Ngày mở sổ: 1/1/2025						
			Người lập biểu	Kế toán trưởng	Ngày ... tháng ... năm ... Người đại diện theo pháp luật	

Phụ lục 4:



CÔNG TY ĐIỆN LỰC QUẢNG TRỊ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Đội quản lý điện Quảng Trạch



Đường Trần Hưng Đạo, phường Bắc Gianh, tỉnh Quảng Trị
MST: 0400101394-002

19001909

Số bảng kê:
1571393382

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 3956767 ngày 02 tháng 12 năm 2025)

Khách hàng

Công Ty TNHH Dịch Vụ Vận Tài Hà
Quảng

Địa chỉ

Khu Phố 5, Xã Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại

0918019609

Email

haquang.hd589@gmail.com

Mã số thuế

3101094049

Địa chỉ sử dụng điện

Thôn Hòa Bình, Xã Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Trị

Mục đích sử dụng điện

100 % Kinh doanh - Toàn thời gian

Cấp điện áp sử dụng

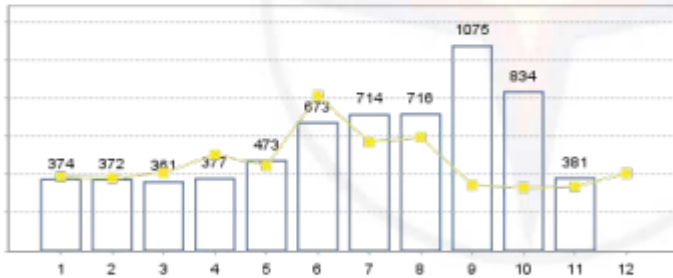
Dưới 380V

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại,
địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 11/2025 (30 ngày từ 01/11/2025 đến 30/11/2025)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
2003002864				
Toàn thời gian	1	21.292	20.911	381
				Tổng: 381



☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ☒ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	3.152	381	1.200.912
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		381	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			1.200.912
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			96.073
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			1.296.985

Bảng chữ: Một triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng.



Mã khách hàng
PC01BB0312117



Số tiền thanh toán
1.296.985 đồng



Hạn thanh toán
09/12/2025

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://cskh.cpc.vn>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNCPC

393 Trung Nữ Vương, Phường Hòa
Cường, Đà Nẵng

19001909

cskh@cpc.vn

<https://www.facebook.com/cpcskh/>

TTC SKH Điện lực miền Trung
EVNCPC CSKH

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



IOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC
QUẢNG TRỊ - CHI NHÁNH TỔNG
CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG
Ngày ký: 02/ 12/ 2025 22:27:14

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

1. Thông tin chung

Họ và tên sinh viên thực tập: Nguyễn Thị Thanh Thuý

Mã số sinh viên: 2254010091

Lớp: 22KH2

Ngành: Kế Toán **Khoa:** Kinh tế

Niên khóa: 2022-2026

Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng

Đơn vị thực tập: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Quảng

2. Nhận xét của đơn vị về quá trình thực tập của sinh viên

Trong thời gian thực tập tại công ty, Thanh thuý đã hoàn thành tốt các công việc được giao. Bạn làm việc nghiêm túc, cẩn thận và có tinh thần trách nhiệm cao, luôn đảm bảo đúng tiến độ. Bên cạnh việc có khả năng nắm bắt nhanh, áp dụng tốt kiến thức vào thực tiễn thì bạn còn hăng hái nghiên cứu, tìm hiểu những hoạt động, tài liệu của công ty để phục vụ cho việc hoàn thành bài Khoa luận tốt nghiệp của mình. Kết quả thực tập của bạn đáp ứng rất tốt yêu cầu của công ty.

Những nội dung trình bày trong bài Khoa luận tốt nghiệp của Thanh Thuý là hoàn toàn phù hợp với tình hình hiện tại của đơn vị. Chúng tôi đánh giá cao kết quả thực tập của em.

Người nhận xét

(Ghi rõ họ và tên, ký và đóng dấu)


CHỖ CHỮ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU
Nguyễn Anh Tú